

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000054 đăng ký lần đầu ngày 30/12/2004
Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15/06/2010*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Đăng ký niêm yết số:/ĐKNY do Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
cấp ngày tháng năm 2010*

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty cổ phần Phú Tài

Trụ sở chính: 278 Nguyễn Thị Định, P. Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056.3847668 **Fax:** 056.3847246

Website: www.phutai.com.vn

Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long

Trụ sở chính: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.37262600 **Fax:** 04.37262601

Chi nhánh: Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.39106411 **Fax:** 08.39106153

Website: www.thanglongsc.com.vn

Phu trách công bố thông tin:

Ông: Phan Quốc Hoài – Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty

Điện thoại: 056.3847668 **Fax:** 056.3847246



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000054 đăng ký lần đầu ngày 30/12/2004
Đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15/06/2010

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU **TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Phú Tài.
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
Tổng số lượng niêm yết: 8.599.760 cổ phiếu.

(Bằng chữ: Tám triệu năm trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi cổ phiếu)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN KIỂM TOÁN (ASC)

Trụ sở chính: 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 04. 38241990 Fax: 04. 38253973
Chi nhánh: 63 Trần Khánh Dư, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08. 32565796 Fax: 08. 38435590



TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG (TLS)

Trụ sở chính: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 04. 37262600 Fax: 04. 37262601
Chi nhánh: 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08. 39106411 Fax: 08.39106153



MỤC LỤC

I.CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	1
1.Rủi ro về kinh tế:.....	1
2.Rủi ro về luật pháp:.....	2
3.Rủi ro đặc thù:	3
4. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu	4
5.Rủi ro khác:	4
II.GIẢI THÍCH CÁC TỪ NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
1.Tổ chức niêm yết	8
2.Tổ chức tư vấn	8
IV.TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	9
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
2. Cơ cấu tổ chức công ty	11
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	14
4. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 02/11/2010, danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ:.....	18
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:	19
6. Hoạt động kinh doanh	20
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	45
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	48
9. Chính sách đối với người lao động	51
10. Chính sách cổ tức	54
11. Tình hình tài chính của Công ty.....	55
12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	62
13. Tình hình tài sản của Công ty Cổ phần Phú Tài	76
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2011 - 2013.....	78
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty.....	80
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	81
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....	82

18. Giải trình một số vấn đề trên báo cáo tài chính kiểm toán 2010.....	82
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	87
1. Loại cổ phiếu	87
2. Mệnh giá.....	87
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến niêm yết 8.599.760 cổ phần	87
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty	87
5. Giá niêm yết dự kiến	88
6. Phương pháp tính giá	89
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài	92
8. Các loại thuế có liên quan.....	92
VI.CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT.....	95
1. Tổ chức tư vấn niêm yết.....	95
2. Tổ chức kiểm toán.....	95
VII.PHỤ LỤC	95

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế:

Rủi ro về tăng trưởng kinh tế: Kinh tế Việt Nam sau nhiều năm tăng trưởng cao (GDP 5 năm từ 2002 – 2007 đều trên 7%) đã giảm tốc vào cuối năm 2008 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái toàn cầu. GDP năm 2009 đạt mức tăng trưởng là 5,32%, năm 2010 đạt mức tăng trưởng là 6,78%. Khi kinh tế tăng trưởng các dự án bất động sản, công trình xây dựng phát triển, nhu cầu về hàng tiêu dùng, phương tiện vận chuyển của người tiêu dùng tăng cao. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ các sản phẩm gạch, đá ốp lát, đá xây dựng, mặt hàng đồ gỗ, xe ô tô Toyota của Phú Tài. Ngược lại nền kinh tế trong giai đoạn suy thoái, nhu cầu tiêu dùng giảm, Công ty sẽ gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình

Rủi ro về lạm phát: Tăng giảm lạm phát sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp và ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam năm 2010 là 11,75% cao hơn gần 5% so với chỉ tiêu do Quốc hội đề ra. Năm 2011, Chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô và kiềm chế lạm phát là hai mục tiêu chính. Tuy nhiên, trong những năm sắp tới, tỉ lệ lạm phát dự kiến sẽ biến động khó lường và ảnh hưởng một phần tới chi phí nguyên vật liệu đầu vào của Công ty. Do đó, có thể nhận thấy rằng rủi ro về lạm phát ảnh hưởng rất lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Rủi ro về lãi suất: Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và chính sách kiềm chế lạm phát, Chính phủ đã áp dụng các chính sách thắt chặt tiền tệ, lãi suất cơ bản nâng lên 9% từ cuối năm 2010, dòng vốn ngân hàng cho vay bị hạn chế, lãi suất cho vay tăng cao làm ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, biến động về lãi suất có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Phú Tài là một Công ty có quy mô lớn tại tỉnh Bình Định, Phú Tài luôn có kế hoạch dự toán sử dụng vốn vay hợp lý, đúng mục đích và thực hiện đúng cam kết nghĩa vụ tín dụng với các đối tác Ngân hàng theo đúng thời hạn. Ngoài ra, với thương hiệu và uy tín của mình, Công ty luôn được vay vốn Ngân hàng với mức lãi suất hợp lý đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của mình.

Rủi ro về tỷ giá: Biến động tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình xuất nhập khẩu của Công ty. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước. Trong năm 2010, tình trạng khan hiếm ngoại tệ diễn ra, các doanh nghiệp nhập khẩu gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn cung ngoại tệ để nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để phục vụ cho sản xuất. Nhằm tăng tính thanh khoản của thị trường ngoại hối, Ngân hàng Nhà nước đã điều chỉnh tỷ giá bình quân liên ngân hàng lên mức 20.693 VND/USD (tăng 9,3% so với mức 18.932 VND trước đó) và thu hẹp biên độ giao dịch từ +/-3% xuống +/-1% áp dụng cho ngày 11/2/2011. Vì vậy biến động về tỷ giá làm ảnh hưởng bất lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu thường xuyên các nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất.

Đối với hoạt động sản xuất chế biến đồ gỗ và đá, Phú Tài thường xuyên phải nhập khẩu các nguyên liệu gỗ và một phần nguyên liệu đá để phục vụ nhu cầu sản xuất. Trong trường hợp tỷ giá tăng thì việc nhập khẩu nguyên liệu phục vụ cho sản xuất sẽ bị ảnh hưởng tiêu cực làm tăng giá thành sản xuất. Tuy nhiên, các sản phẩm chế biến gỗ, đá của Công ty được xuất khẩu qua các thị trường nước ngoài như Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, Châu Úc, do đó khi tỷ giá tăng thì sẽ có lợi cho hoạt động xuất khẩu của Công ty đồng thời bù đắp một phần cho việc gia tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào do tỷ giá tăng lên. Đối với hoạt động kinh doanh phân phối xe Toyota thì tỷ giá hối đoái không ảnh hưởng đến hoạt động này do Công ty không trực tiếp nhập khẩu xe Toyota mà thực hiện phân phối dưới hình thức làm đại lý cho hãng xe Toyota.

Nhận thức được sự biến động tỷ giá ảnh hưởng đến nền kinh tế nói chung và hoạt động của Phú Tài nói riêng, Công ty thường xuyên phân tích, đánh giá, lường trước về sự biến động của tỷ giá và các tác động của nó đến tình hình nhập khẩu hàng hoá, hạn chế một cách tối đa tác động bất lợi đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp:

Mọi hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế ...Việc niêm yết trên thị trường chứng khoán là lĩnh vực còn rất mới mẻ. Luật và các văn bản dưới luật quy định về các vấn đề này còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh và giao dịch cổ phiếu của Công ty.

Việc thay đổi các văn bản pháp luật, thủ tục hành chính sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Mặc dù vậy, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật, tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của xã hội.

3. **Rủi ro đặc thù:**

Kinh doanh, chế biến gỗ: Hoạt động kinh doanh, chế biến gỗ là một trong những lĩnh vực hoạt động chính, đóng góp khoảng 33,4% doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, hiện nay nhiều tổ chức phi chính phủ, các nước phát triển kêu gọi, hưởng ứng tiêu thụ sản phẩm thân thiện môi trường làm cho nguồn nguyên liệu gỗ vốn đã khan hiếm ngày càng khan hiếm hơn. Do đó, việc chủ động được nguồn nguyên liệu gỗ luôn là mối quan tâm lớn của Công ty.

Bên cạnh đó, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm đòi hỏi ngày càng cao, như Đạo luật Lacey nhằm kiểm soát nguồn gốc hợp pháp các loại gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu vào Mỹ, nhu cầu thị trường tiêu thụ yêu cầu ngày càng chặt chẽ hơn việc kiểm soát lượng chì trong sơn, formaldehyde trong keo dán gỗ... Những thách thức đó đẩy các doanh nghiệp hoạt động trong ngành phải nỗ lực hơn về đầu tư quản lý chất lượng sản phẩm, hệ thống quản lý thông tin đến khách hàng và nhà cung cấp nhanh nhạy và kịp thời..

Khai thác, kinh doanh đá xây dựng, ốp lát: Đây là lĩnh vực hoạt động kinh doanh truyền thống và đóng góp khoảng 16,36% vào cơ cấu doanh thu của Công ty. Bình Định là một trong rất ít khu vực có trữ lượng mỏ đá lớn và chất lượng, đặc biệt là đá Granit đỏ. Đây là yếu tố thuận lợi đảm bảo ổn định nguồn cung nguyên liệu đầu vào tại chỗ, nhưng theo thời gian thì sản lượng sẽ giảm dần và có nguy cơ cạn kiệt là điều có thể đoán trước.

Vì vậy, về lâu dài để đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cũng như duy trì doanh thu hoạt động kinh doanh từ lĩnh vực khai thác, kinh doanh đá xây dựng, ốp lát. Công ty đã tiến hành khai thác thêm các mỏ đá mới tại các tỉnh Đắk Nông, Khánh Hòa nhằm đáp ứng đủ nhu cầu về nguyên liệu sản xuất vật liệu đá xây dựng tại Công ty.

Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota: Kinh doanh, phân phối xe Toyota là hoạt động đóng góp đáng kể, chiếm 50,24% trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Toyota là hãng ô tô giữ vững doanh số tiêu thụ xe hơi cao nhất tại Việt Nam trong những năm qua. Bên cạnh đó, Việt Nam được dự báo là thị trường tiêu thụ xe ô tô tiềm năng, thuế suất nhập khẩu và tiêu thụ đặc biệt cắt giảm theo lộ trình cam kết hội

nhập kinh tế sẽ là điều kiện thuận lợi cho nhiều hãng ô tô nổi tiếng thâm nhập thị trường nội địa. Tuy nhiên, trong năm 2010 Toyota đối mặt với nhiều khó khăn trên toàn cầu do lỗi kỹ thuật ở bàn đạp, việc này đã ảnh hưởng không nhỏ đến niềm tin và quyết định mua xe của người tiêu dùng trên toàn cầu nói chung và người tiêu dùng Việt Nam nói riêng.

Bên cạnh đó, nguy cơ phải chia sẻ thị phần của Công ty về lĩnh vực kinh doanh ô tô là rất cao.

4. Rủi pha loãng giá cổ phiếu

Phú Tài có kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 10% cho cổ đông hiện hữu vào quý 3/2011, phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,2455, phát hành 429.988 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn người lao động với giá 10.000 đồng/cổ phiếu và không bị hạn chế chuyển nhượng.

Nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề liên quan đến rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể suy giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phụ thuộc vào số tiền mà Công ty nhận được từ việc sử dụng nguồn vốn thu được từ đợt phát hành để đầu tư mở rộng kinh doanh.
- Khối lượng cổ phiếu tăng lên và giá cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh do điều chỉnh kỹ thuật giá tham chiếu của cổ phiếu Phú Tài tại ngày không hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, nhận cổ phiếu thưởng và cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên.

5. Rủi ro khác:

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra như thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này cũng sẽ tác động nhiều đến tình hình kinh doanh của Công ty.

II. GIẢI THÍCH CÁC TỪ NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

Trong bản cáo bạch này, các từ ngữ và các từ viết tắt dưới đây có nghĩa diễn giải như sau:

1. Từ ngữ:

Tổ chức niêm yết	Công ty cổ phần Phú Tài
Tổ chức Tư vấn niêm yết	Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long - Chi nhánh TP.HCM
Công ty	Công ty cổ phần Phú Tài.
Phú Tài	Công ty cổ phần Phú Tài.
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty cổ phần Phú Tài về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
Điều lệ	Điều lệ của Công ty cổ phần Phú Tài đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua.
Vốn điều lệ	Số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty cổ phần Phú Tài.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ đông	Các chủ sở hữu là cá nhân hoặc tổ chức nắm giữ cổ phần của Công ty
Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty cổ phần Phú Tài phát hành nhằm xác nhận quyền sở hữu phần vốn góp trong Công ty
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính
Đại hội đồng cổ đông	Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phú Tài
Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phú Tài
Ban Kiểm soát	Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Phú Tài
Ban Tổng Giám đốc	Ban Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Phú Tài

Người có liên quan Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- ✕ Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;
- ✕ Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;
- ✕ Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, các Phó Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;
- ✕ Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;
- ✕ Công ty mẹ, Công ty con;
- ✕ Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Các chữ viết tắt

TLS	Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long
Phutaico	Công ty Cổ phần Phú Tài
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
BCTC	Báo cáo tài chính
Thuế GTGT	Thuế Giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế Thu nhập doanh nghiệp
FSC	(Forest Stewardship Council – Tổ chức Phi chính phủ về quản lý rừng thế giới)
COC	(Chain of Custody - tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm)
WTO	(World Trade Organization – Tổ chức Thương mại thế giới)
AFTA	(ASEAN Free Trade Area- Khu vực mậu dịch tự do ASEAN)
VAMA	Hiệp hội ô tô Việt Nam
SGS-UK	Tổ chức giám định quốc tế tại Anh.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

Ông Lê Vỹ Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty

Ông Phan Quốc Hoài Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT

Ông Đậu Văn Tâm Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát Công ty

Ông Đoàn Minh Sơn Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG CN TP. HCM

Bà Thẩm Thị Thúy Chức vụ: Giám đốc chi nhánh

Giấy ủy quyền số 606/2010/TLS-UQ ngày 30/09/2010 do Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần chứng khoán Thăng Long ban hành.

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty cổ phần Phú Tài. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Phú Tài cung cấp.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin cơ bản về Công ty

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

Tên tiếng Anh: PHU TAI JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 278, Đường Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: (056). 3847668 Fax: (056). 3847556

Logo Công ty: 

Website: www.phutai.com.vn

Vốn điều lệ: 85.997.600.000 đồng (Tám mươi lăm tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng)

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty Cổ phần Phú Tài là Công ty Phú Tài trực thuộc Quân khu 5 thuộc Bộ Quốc Phòng chuyên kinh doanh và sản xuất chế biến các sản phẩm gỗ, đá và phân phối xe Toyota.

Năm 2000, Công ty Thắng Lợi được sát nhập vào Công ty Phú Tài, đánh dấu bước khởi điểm thuận lợi và sự kết hợp cần thiết cho quá trình phát triển bền vững.

Năm 2004, Công ty Cổ phần Phú Tài là Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Nghị định 64/2002/NĐ-CP, ngày 19/06/2002 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 150/2004/QĐ-BQP ngày 10/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2005 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000054 cấp lần đầu vào ngày 30/12/2004, thay đổi lần thứ 11, vào ngày 15 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Ưu thế của Công ty chủ yếu trong các lĩnh vực: sản xuất sản phẩm bàn ghế ngoài trời và trang trí nội thất; sản phẩm chế biến từ đá granite tự nhiên phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ nội địa; kinh doanh dịch vụ xe du lịch cho hãng ô tô Toyota Việt Nam; cung

ứng gỗ nguyên liệu... với chất lượng cao. Ngoài ra, các sản phẩm về vật liệu xây dựng và dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng... đã có bước phát triển mạnh mẽ.

Công ty đã xây dựng hệ thống các cơ sở kinh doanh, các xí nghiệp, nhà máy, chi nhánh tại các tỉnh, thành phố trọng yếu như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Bình Định. Với tiềm năng và vị trí địa lý kinh tế đem lại, Công ty có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc hoạch định chiến lược phát triển trong tương lai.

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành
1	Sản xuất đá Granit, gỗ, lâm sản, vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ.
2	Xuất nhập khẩu các sản phẩm của công ty, vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất và hàng hoá tiêu dùng.
3	Đầu tư kinh doanh bất động sản. Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, nhà ở. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.
4	Xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thuỷ lợi, công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp.
5	Trang trí nội, ngoại thất.
6	Trồng rừng và trồng cây công nghiệp các loại.;
7	Khai thác, chế biến đá Granit, khai thác đá, cát, sỏi làm vật liệu xây dựng (Chi kinh doanh sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản).
8	Mua bán, bảo hành, sửa chữa xe ô tô và phụ tùng
9	Kinh doanh và dịch vụ vận tải hàng hoá, hành khách.

Tổng hợp quá trình tăng vốn của Công ty Cổ phần Phú Tài:

Bảng 1-Tình hình tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phú Tài

Đơn vị tính: 1000 đồng

Thời điểm	Đối tượng phát hành	Số lượng cổ phần phát hành	Số lượng cổ đông đăng ký mua	Vốn điều lệ	Vốn Nhà nước	Tỷ lệ vốn Nhà nước	Ghi chú
Khi thành lập (Cổ phần hoá)				8.731.000	4.452.800	51%	Mệnh giá 100.000 đồng
Lần 1 (Tháng 01/2006)	Cổ đông hiện hữu	37.892	745	22.264.000	4.452.800	20%	Mệnh giá 100.000 đồng
	Người lao động	16.240	158				

Thời điểm	Đối tượng phát hành	Số lượng cổ phần phát hành	Số lượng cổ đông đăng ký mua	Vốn điều lệ	Vốn Nhà nước	Tỷ lệ vốn Nhà nước	Ghi chú
	Chào bán ra ngoài	81.198	22				
Lần 2 (Tháng 1/2007)	Cổ đông hiện hữu	34.076	769	32.000.000	4.452.800	13,9%	Mệnh giá 100.000 đồng
	Người lao động	14.604	134				
	Chào bán ra ngoài	48.680	19				
Lần 3 (18/04/2008)	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ phát hành 1:0,875	2.799.940	387	59.999.400	8.349.000	13,9%	Mệnh giá 10.000 đồng
Lần 4 (29/04/2010)	Phát hành cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 3:1. Trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10% vốn điều lệ cho cổ đông hiện hữu	2.599.820	350	85.997.600	11.966.600	13,9%	Mệnh giá 10.000 đồng

Nguồn Công ty Cổ phần Phú Tài

2. Cơ cấu tổ chức công ty

Công ty cổ phần Phú Tài được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Cơ sở hoạt động quản trị và điều hành của Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 04/04/2008 và được chỉnh sửa bổ sung vào ngày 25/03/2010.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: Trụ sở chính, 10 chi nhánh trực thuộc, 01 công ty con và 01 công ty liên kết.

Trụ sở chính Công ty:

Gồm văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các phòng, ban nghiệp vụ gồm: Phòng Kinh doanh, Phòng Tài chính kế toán, Phòng hành chính nhân sự.

Địa chỉ: Số 278, Đường Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Các chi nhánh, xí nghiệp và nhà máy:

- Chi nhánh Công ty cổ phần Phú Tài tại Tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: Lô 14, Khu Công nghiệp Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai.

Ngành nghề: Chế biến gỗ xuất khẩu và nội địa

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phú Tài tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà S'CETPA, 19A Cộng Hòa, Q. Tân Bình, Tp. HCM

Ngành nghề: Kinh doanh thương mại, dịch vụ tổng hợp.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Phú Tài tại Tỉnh Gia Lai

Địa chỉ: Khóm 1, tổ 1, Thị trấn Kông Chro, Huyện Kông Chro, Gia Lai.

Ngành nghề: Chế biến đá xuất khẩu và nội địa

- Xí nghiệp đá 380

Địa chỉ: KV5, phường Trần Quang Diệu, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Ngành nghề: Sản xuất đá Granit nội địa và xuất khẩu.

- Xí nghiệp gỗ Thăng Lợi

Địa chỉ: Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Ngành nghề: Chế biến gỗ, tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

- Xí nghiệp Toyota Đà Nẵng

Địa chỉ: 151-153 Lê Đình Lý, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng.

Ngành nghề: Kinh doanh xe Toyota, bảo hành sửa chữa xe.

- Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Nhơn Hòa

Địa chỉ: Xã Nhơn Hòa, huyện An Nhơn, Bình Định.

Ngành nghề: Khai thác và sản xuất đá nghiền sàng xây dựng.

- Chi nhánh Toyota Quy Nhơn

Địa chỉ: 278A, Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Ngành nghề: Kinh doanh xe Toyota, bảo hành sửa chữa xe.

- Nhà máy chế biến đá Granit tại Tỉnh Khánh Hoà

Địa chỉ: Ninh Lâm, Vạn Khánh, Vạn Ninh, Khánh Hoà.

Ngành nghề: Khai thác và sản xuất đá Granit

- Nhà máy chế biến đá Bazal, Granit Tỉnh Đắk Nông

Địa chỉ: Thôn 13, xã Đăk Wer, Đăk R'Lấp, Đăk Nông .

Ngành nghề: Kinh doanh khai thác chế biến đá

Công ty con: Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Phú Yên.

Công ty liên kết: Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



- ✚ **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty
- ✚ **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Các thành viên Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu. Hội đồng Quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Danh sách Hội đồng quản trị bao gồm

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Vỹ	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
Ông Trần Thanh Cung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Phan Quốc Hoài	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Sỹ Hòe	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Lộc	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT

- ✚ **Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Danh sách Ban kiểm soát bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đậu Văn Tâm	Trưởng ban
Ông Trương Huy Danh	Thành viên
Bà Đặng Thị Tú Oanh	Thành viên

- ✚ **Tổng Giám đốc:** là người điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc

Các Phó tổng giám đốc Công ty là người giúp việc cho Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm trực tiếp với Tổng giám đốc về những phần việc được phân công như sau.

- **Phó Tổng Giám đốc Hành chính nhân sự**

Phó tổng giám đốc hành chính nhân sự được phân công chịu trách nhiệm về công tác tổ chức nhân sự, hành chính, thực hiện chế độ chính sách, chế độ tiền lương và đời sống cho cán bộ công nhân viên toàn công ty. Chỉ đạo công tác an toàn bảo hộ lao động, môi trường của công ty. Chỉ đạo hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội trong công ty, các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao. Chỉ đạo trực tiếp phòng Nhân sự - Hành chính công ty. Ngoài ra phải chịu sự phân công của Tổng giám đốc trên một số lĩnh vực hoạt động khác.

- **Phó Tổng Giám đốc Đầu tư**

Phó Tổng giám đốc đầu tư chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện công tác đầu tư, kế hoạch sản xuất của Công ty và các đơn vị thành viên. Kiểm nhiệm Trưởng ban ISO Công ty, có trách nhiệm triển khai thực hiện kế hoạch chương trình ISO 9001-2000 trong phạm vi toàn Công ty. Ngoài ra phải chịu sự phân công của Tổng giám đốc Công ty trên một số lĩnh vực hoạt động khác.

- **Phó tổng giám đốc kinh doanh kiêm giám đốc Xí nghiệp 380**

Phụ trách kinh doanh đá xuất khẩu của cơ quan Công ty. Tham gia giúp Tổng giám đốc giải quyết mọi số công việc đối ngoại kinh doanh. Trực tiếp lãnh đạo, điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt đối với tình hình sản xuất kinh doanh của xí nghiệp 380. Ngoài ra phải chịu sự phân công của Tổng giám đốc công ty trên một số lĩnh vực hoạt động khác.

- **Các phòng ban**

- **Phòng Kinh doanh**

Là cơ quan chuyên môn nghiệp vụ tham mưu, giúp việc cho Tổng giám đốc Công ty về công tác sản xuất kinh doanh, làm công tác chuyên môn nghiệp vụ kế hoạch, điều phối sản xuất kinh doanh của Công ty, xây dựng định mức phục vụ công tác quản lý và tổ chức kinh doanh. Giao dịch hợp đồng với khách hàng, nắm bắt thông tin kinh tế thị trường, quảng cáo tiếp thị các sản phẩm của Công ty. Lập các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh. Theo dõi thực hiện quản lý chương trình ISO của Công ty. Tổ chức kinh doanh thương mại cho cơ quan Công ty. Thực hiện một số nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng giám đốc Công ty.

- **Phòng Tài chính - Kế toán**

Là cơ quan chức năng của Công ty đảm nhiệm công tác kế toán và quản lý tài chính, giúp việc và tham mưu cho Tổng giám đốc trên một số nhiệm vụ cụ thể như sau: Tổ chức hạch

toán kế toán và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng Luật kế toán, thống kê của nhà nước. Tổng hợp kết quả kinh doanh, lập báo cáo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty. Huy động các loại vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổ chức hạch toán kế toán và hướng dẫn các nghiệp vụ kế toán cho các đơn vị thành viên, giám sát quản lý vốn, tài sản các đơn vị thành viên. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra tài chính kế toán. Lập và thực hiện kế hoạch về các loại vốn cố định, lưu động, vốn xây dựng cơ bản; thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán, thống kê cho cán bộ nhân viên kế toán các xí nghiệp trực thuộc Công ty. Thực hiện kinh doanh dịch vụ tài chính. Thực hiện một số nhiệm vụ theo sự phân công của Tổng giám đốc Công ty.

▪ **Phòng Nhân sự - Hành chính**

Phòng Nhân sự - Hành chính là cơ quan chức năng của Công ty tham mưu cho Tổng giám đốc một số nhiệm vụ chủ yếu sau: Tham mưu cho Tổng giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh. Bố trí nhân sự cho phù hợp với yêu cầu đổi mới và phát triển của Công ty. Quản lý hồ sơ lý lịch cán bộ, nhân viên toàn Công ty, giải quyết thủ tục chế độ tuyển dụng, lập hồ sơ bảo hiểm xã hội, giải quyết thôi việc, bổ sung, bãi nhiệm, kỷ luật, khen thưởng, nghỉ hưu... Quy hoạch tổ chức, biên chế nhân sự, tham mưu cho Tổng giám đốc quyết định việc đề bạt và phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý (Trưởng phòng, giám đốc xí nghiệp, đội trưởng đến phó Quản đốc phân xưởng) của Công ty và các đơn vị thành viên.

Tuyển dụng, quản lý lao động theo phân cấp, xây dựng và thực hiện kế hoạch lao động tiền lương cho cán bộ, công nhân viên, cùng phòng Tài chính - Kế toán xây dựng tổng quỹ tiền lương cho các đơn vị thành viên.

Nghiên cứu tham mưu cho Tổng giám đốc xây dựng các quy chế, quy định, định mức trong công tác quản lý và an toàn lao động. Đề xuất các biện pháp an toàn lao động, bảo vệ an ninh, môi trường và an ninh trật tự của đơn vị.

Cùng Ban quản lý dự án quy hoạch quản lý các công trình xây dựng cơ bản của Công ty và các đơn vị thành viên. Quản lý công văn giấy tờ, sổ sách hành chính và con dấu, thực hiện công tác thu phát, lưu trữ các tài liệu. Xây dựng lịch công tác, lịch giao ban, hội họp, sinh hoạt định kỳ và bất thường theo chỉ đạo của Tổng giám đốc, quản lý điều hành xe phục vụ cho cơ quan. Thực hiện công tác xây dựng kế hoạch quản lý, chỉ đạo hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội.

4. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 02/11/2010, danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ:

4.1. Cơ cấu cổ đông đến thời điểm 02/11/2010

Bảng 2-Cơ cấu cổ đông Công ty Cổ phần Phú Tài

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Trong nước	323	8.531.795	99,21%
	+ Cá nhân	320	6.894.003	80,16%
	+ Tổ chức	3	1.637.792	19,05%
2	Nước ngoài	1	67.965	0,79%
	+ Cá nhân	0	0	0%
	+ Tổ chức	1	67.965	0,79%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0%
	Tổng cộng	324	8.599.760	100

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 3-Cơ cấu cổ đông Công ty Cổ phần Phú Tài

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐK KD	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Bộ Quốc Phòng Đại diện: Ông Lê Vỹ, Trần Thanh Cung, Phan Quốc Hoài.	7 Nguyễn Tri Phương, Ba Đình, Hà Nội.		1.196.690	11.966.900.000	13,92
2	Lê Vỹ	Đường Nguyễn Lữ, Quy Nhơn	215259306	691.895	6.918.950.000	8,05
3	Lê Văn Thảo	Diêu Trì Tuy Phước Bình Định	211349920	462.159	4.621.590.000	5,37

4	Lê Văn Lộc	Phòng B3, lầu 8, Cao ốc Bình Định, P.15, Q.11, TPHCM	0245452361	489.877	4.898.770.000	5,7
	Tổng cộng			2.840.621	28.406.210.000	33,03

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

5.1. Công ty mẹ: không có

5.2. Công ty con:

Tên công ty: Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Phú Yên

Địa chỉ : 172 Trần Hưng Đạo, Tuy Hòa, Phú Yên

Ngành nghề kinh doanh : Khai thác, chế biến đá ốp lát xây dựng.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Tỷ lệ cổ phần của Công ty Cổ phần Phú Tài nắm giữ tại thời điểm 31/12/2010 là 51.923 cổ phần, chiếm 51,91% vốn điều lệ.

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Phú Yên không có công ty con.

5.3. Công ty liên kết:

Tên công ty: Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc

Địa chỉ: Khu công nghiệp Tam Phước, Long Thành, Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu các sản phẩm gỗ và sản phẩm cơ khí.

Vốn điều lệ: 21.200.000.000 đồng

Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Phú Tài nắm giữ tại thời điểm 31/12/2010 là 4.240.000.000 đồng chiếm 20% vốn điều lệ.

6. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Phú Tài là khai thác, chế biến, kinh doanh xuất khẩu sản phẩm gỗ, vật liệu đá xây dựng, tiêu thụ sản phẩm xe ô tô Toyota và cung cấp các dịch vụ sửa chữa xe ô tô Toyota. Trong những năm gần đây tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty có sự tăng trưởng đều, thị trường trong nước cũng như xuất khẩu ổn định và được mở rộng, đầu tư phát triển các ngành nghề được đảm bảo, hiệu quả sản xuất kinh doanh qua các năm tăng dần, vị thế cạnh tranh được giữ vững. Các thị trường xuất khẩu chủ lực của Công ty cho sản phẩm Gỗ tinh chế, chế biến đá Granit tự nhiên là Ý, Pháp, Đức, Hà Lan. Năng lực sản xuất kinh doanh hiện tại của Công ty với khả năng cung ứng sản lượng sản phẩm các loại trong một năm khoảng 500.000 m² đá Granit, 6.000m³ đá thủ công, 14.200 m³ sản phẩm gỗ, tiêu thụ trên 1.200 xe Toyota, sửa chữa trên 17.000 lượt xe.

6.1 Các nhóm sản phẩm chính của Công ty

a. Sản xuất và chế biến đá

Các sản phẩm đá xây dựng, ốp lát là nhóm mặt hàng kinh doanh truyền thống của Công ty. Sản phẩm đá của Công ty được chế biến từ đá tự nhiên như: Đá basalt, đá granite, đá khối thiên nhiên. Các sản phẩm của Công ty gồm có các dòng sản phẩm chính như sau: Đá lát nền nhà, đá ốp tường, đá lát vỉa hè, tường nhà, bậc thang, đá khối cubic, đá bề mặt, đá nghiền sàng phục vụ trong xây dựng trộn bê tông, các loại đá khác. Các sản phẩm đá của Công ty dùng ứng dụng trong trang trí nội thất, ngoại thất như nền nhà, kệ bếp, bàn ăn, bàn quầy rượu, cầu thang, lát tường cho các toà nhà cao tầng, các vỉa hè, sân vườn....

Đặc biệt, các mỏ đá Công ty được phép khai thác có trữ lượng lớn và gồm các loại đá nguyên liệu có thể cho ra các sản phẩm cao cấp như đá đỏ Bình Định, đá vàng, đá trắng chấm đen, đá trắng Phù Mỹ... Đá nguyên liệu sử dụng ở Công ty đã qua khâu chọn lọc nên chất lượng khá tốt, đạt được các tiêu chuẩn về độ bóng, độ hút nước, độ bền nén, độ bền uốn và độ mài mòn..., đa dạng về màu sắc, đa công dụng. Chính vì thế, sản phẩm đá Granite của công ty được người tiêu dùng đánh giá cao. Ngoài ra, Công ty còn sử dụng đá nguyên liệu ngoài tỉnh để đưa vào sản xuất như các loại đá đen Phú Yên, đá Hồng Gia Lai, đá tím Tân Dân...

Hàng năm các xí nghiệp sản xuất và chế biến đá của Công ty như: Xí nghiệp đá 380, Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Nhơn Hòa, Nhà máy chế biến đá Granite tại tỉnh

Khánh Hoà, Nhà máy chế biến đá tại tỉnh Đak Nông cung cấp cho thị trường gần 500.000 m² đá Granit và trên 600.000 m³ đá xây dựng, đóng góp khoảng 16,43 % doanh thu của Công ty. Sản phẩm của Công ty có mặt tại các tỉnh Bình Định, Khánh Hoà, Đà Nẵng, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Đak Nông, Hà Nội... và các thị trường nước ngoài như Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ và Châu Úc.

Một số sản phẩm đá của Công ty Phú Tài



Đá lát nền



Đá ốp tường



Đá vỉa hè



Đá cubic



Đá bề mặt



Đá nghiền sàn



Đá lát trang trí



Đá trang trí



Đá khác

b. Sản xuất chế gỗ nội ngoại thất và kinh doanh gỗ đạt chứng chỉ do FSC (Forest Stewardship Council – Tổ chức Phi chính phủ về quản lý rừng thế giới) cấp

Một số sản phẩm đồ gỗ của Công ty Phú Tài

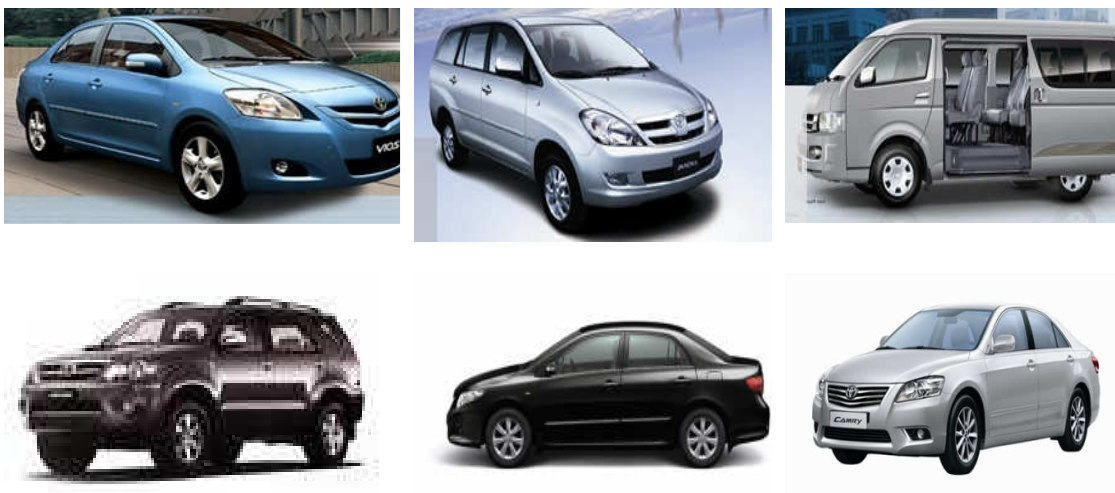


Các sản phẩm đồ gỗ của Công ty mang kiểu dáng, phong cách hiện đại rất phù hợp cho các công trình dân dụng, khu du lịch, nhà hàng tạo được cảm giác sang trọng cho người sử dụng.

Ngoài sản phẩm chế biến từ gỗ, Công ty Phú Tài còn kinh doanh sản phẩm gỗ nguyên liệu. Vì vậy, trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty đã thiết lập được nhiều mối quan hệ với các đối tác hoạt động trong ngành chế biến gỗ. Tận dụng lợi thế và kinh nghiệm trong ngành chế biến, kinh doanh gỗ, Công ty đã mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh gỗ nguyên liệu nhằm tăng lợi nhuận hoạt động của Công ty.

c. Kinh doanh phân phối xe và dịch vụ xe hơi Toyota

Công ty có hai cơ sở kinh doanh, phân phối xe ô tô nhãn hiệu Toyota tại Đà Nẵng và Quy Nhơn, ngành kinh doanh ô tô đã đạt được sự tăng trưởng và phát triển mạnh mẽ cả về doanh số bán và thị phần tại thị trường Miền Trung. Hiện tại, thương hiệu xe Toyota rất được người tiêu dùng Việt Nam ưa chuộng. Sản lượng tiêu thụ xe năm 2008, 2009 và năm 2010 lần lượt là 632 chiếc, 1260 chiếc và 1.174 chiếc.



Bên cạnh hoạt động phân phối xe Toyota, Công ty còn cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế phụ tùng xe Toyota. Hiện tại, công suất sửa chữa ô tô tại showroom Đà Nẵng, Quy Nhơn đạt 100%, số lượng xe Toyota bảo dưỡng hàng năm tăng trưởng mạnh (khoảng 17.000 lượt xe/năm). Đối với dòng xe Toyota, hoạt động bảo trì rất thuận lợi do phụ tùng thay thế của Việt Nam có sẵn, hàng hoá không khan hiếm so với các hãng khác, đây cũng là một trong những yếu tố chính để cho khách hàng tại Việt Nam lựa chọn và sử dụng xe Toyota nhiều hơn so với các thương hiệu khác. Chất lượng dịch vụ bảo trì luôn được nâng cao, thoả mãn tối đa yêu cầu của khách hàng và đã tạo được sự tin tưởng cho người tiêu dùng.

Xưởng dịch vụ sửa chữa xe Toyota được trang bị các thiết bị hiện đại đáp ứng tiêu chuẩn toàn cầu của Toyota với đội ngũ kỹ thuật viên được đào tạo chuyên nghiệp tay nghề cao. Quy trình sửa chữa được thực hiện nghiêm ngặt ngay từ đầu đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật cho xe khi rời khỏi xưởng sửa chữa.

d. Dịch vụ cho thuê văn phòng

Tòa nhà Văn phòng Công ty tại 278 đường Nguyễn Thị Định, Phường Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn có quy mô 7 tầng được hoàn thành vào cuối năm 2006 với tổng diện tích sàn sử dụng 6.000m², trong đó khoảng 2.000m² được dùng làm văn phòng Công ty, phần còn lại 4.000m² được Công ty sử dụng cho mục đích cho hoạt động dịch vụ cho thuê văn phòng. Bình Định được dự báo có tiềm năng kinh tế, là một trong những vùng kinh tế trọng điểm của khu vực Miền Trung. Khu kinh tế Nhơn Hội đang hình thành sẽ là động lực cho Bình Định thu hút đầu tư và phát triển kinh tế.

❖ Cơ cấu sản lượng sản phẩm, dịch vụ qua các năm 2008, 2009 và 2010

Bảng 5 - Sản lượng sản phẩm dịch vụ tiêu thụ của năm 2008, 2009 và 2010

Công ty Phú Tài

STT	Đơn vị	ĐVT	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Đá ốp lát	m ²	346.891,21	529.133,90	440.442,78
2	Đá thủ công	m ³	4.352,68	5.552,96	3.440,48
3	Đá nghiền sàng	m ³	116.935,00	163.585,10	160.523,30
4	Gỗ tinh chế	m ³	10.330,25	10.857,09	13.083,12
5	Gỗ nguyên liệu	m ³	71.407,05	56.484,63	42.683,18
6	Xe Toyota	Chiếc	632	1.260	1.174
7	Dịch vụ sửa chữa	Lượt	12.139	16.789	19.174

Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài

❖ Cơ cấu doanh thu qua các năm 2008, 2009 và 2010

Bảng 6 - Cơ cấu doanh thu năm 2008, 2009 và 2010

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2008	% cơ cấu doanh thu	Năm 2009	% cơ cấu doanh thu	Năm 2010	% cơ cấu doanh thu
I	Doanh thu sản phẩm đá các loại	186.811	17,60	223.910	16,43	269.270	16,36
1	Đá ốp lát	156.797	14,77	187.638	13,77	230.938	14,03
2	Đá thủ công	18.909	1,78	21.321	1,56	14.962	0,91
3	Đá nghiền sàng	11.104	1,05	14.950	1,10	23.370	1,42
II	Doanh thu sản phẩm gỗ các loại	523.343	49,31	392.557	28,81	549.804	33,40
1	Gỗ tinh chế	230.350	21,70	227.304	16,68	324.604	19,72
2	Gỗ nguyên liệu	292.993	27,60	165.253	12,13	225.200	13,68
III	Doanh thu dịch vụ thương mại Toyota	351.234	33,09	746.339	54,76	826.923	50,24
1	Xe Toyota	315.005	29,68	693.630	50,90	775.572	47,12
2	Dịch vụ sửa chữa	27.579	2,60	42.263	3,10	49.815	3,03
3	Thương mại DV khác	8.648	0,81	10.445	0,77	1.536	0,09
	Cộng	1.061.389	100	1.362.807	100	1.645.997	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài

❖ Cơ cấu lãi gộp năm 2008, 2009 và năm 2010

Bảng 7 - Cơ cấu lãi gộp của năm 2008, 2009 và 2010

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Lãi gộp	Năm 2008	% cơ cấu lãi gộp	Năm 2009	% cơ cấu lãi gộp	Năm 2010	% cơ cấu lãi gộp
1	Ngành sản xuất kinh doanh đá	58.857	43,31	55.994	45,03	68.827	39,01
2	Ngành sản xuất kinh doanh gỗ	52.837	38,88	27.114	21,80	60.121	34,07
3	Dịch vụ và thương mại xe Toyota	24.191	17,80	41.243	33,17	47.485	26,92

Stt	Lãi gộp	Năm 2008	% cơ cấu lãi gộp	Năm 2009	% cơ cấu lãi gộp	Năm 2010	% cơ cấu lãi gộp
	Tổng cộng	135.886	100	124.352	100	176.433	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài

❖ **Kim ngạch xuất khẩu từ năm 2008, 2009 và 2010**

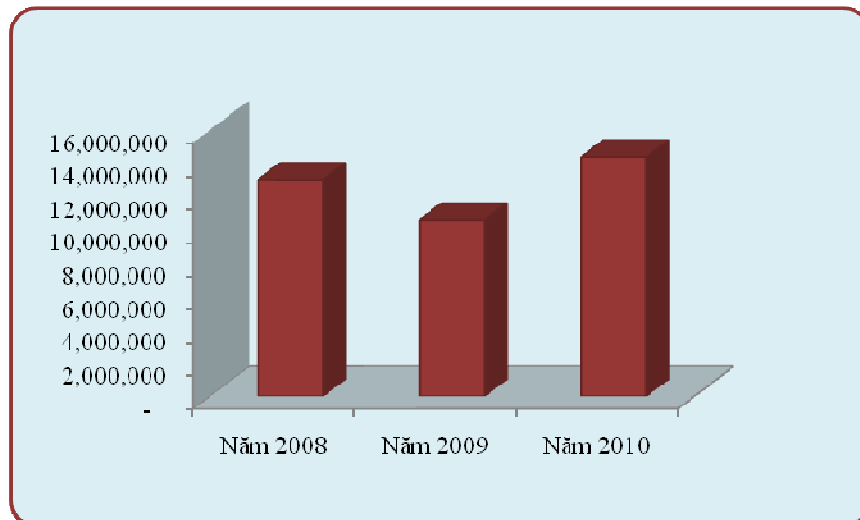
Bảng 8 - Kim ngạch xuất khẩu năm 2008, 2009, 2010

Đơn vị tính: USD

TT	Sản phẩm/thị trường	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
I	Đá Granit	3.290.900,00	3.148.110,45	3.219.975,28
	Châu Âu	3.290.900,00	3.148.110,45	3.219.975,28
II	Gỗ tinh chế	9.732.092,00	7.458.286,20	11.165.636,93
	Châu Âu	9.732.092,00	7.458.286,20	11.165.636,93
	Cộng	13.022.992,00	10.606.396,65	14.385.612,21

Nguồn: Công ty cổ phần Phú Tài

Biểu đồ tăng trưởng xuất khẩu của Công ty năm 2008, 2009 và 2010



6.2 Nguyên vật liệu

❖ **Nguồn nguyên vật liệu**

- Sản xuất và chế biến đá, vật liệu xây dựng

Tất cả sản phẩm của Công ty được làm từ đá tự nhiên khai thác ở Việt Nam và nhập khẩu từ các nước Ấn Độ, Na Uy.... Nguyên liệu chính là đá khối nguyên liệu (có màu sắc, vân đá khác nhau). Phú Tài chỉ mua đá từ những vùng nguyên liệu được kiểm soát tốt, dưới sự cho phép của chính phủ. Nguồn đá Granite, Bazan được Công ty khai thác từ các mỏ đá do Công ty quản lý có trữ lượng dồi dào và mua của các nhà khai thác khác đủ để sản xuất lâu dài. Tất cả đá tự nhiên đều đủ tuổi để khai thác và được kiểm soát chặt chẽ của đội ngũ kỹ thuật lành nghề. Vùng nguyên liệu đá của Công ty phân bố ở các khu vực Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Gia Lai, Đắk Nông. Trong thời gian gần đây, thị trường đá ốp lát bắt đầu phát triển, nhu cầu sử dụng đá cao cấp nhập khẩu từ nước ngoài ngày càng tăng. Công ty đã nắm bắt xu hướng này và tiến hành khảo sát các thị trường nguyên liệu đá nước ngoài để nhập về. Điều này đảm bảo được nguồn nguyên liệu sản xuất cho tất cả các dòng sản phẩm từ trung đến cao cấp.

Bảng 9 - Một số nguồn cung cấp nguyên vật liệu đá của Công ty Cổ phần Phú Tài

STT	Nguyên liệu	Nước sản xuất	Nhà cung cấp
1	Đá đỏ	Ấn Độ	Gem Granites
2	Đá đỏ	Ấn Độ	Sarash World Wild
3	Đá đen	Na Uy	Lundhs Labrador
4	Vật tư cưa xẻ đá	Trung Quốc	Liuzhou Glory Zinc Minmetchem
5	Vật tư cưa xẻ đá	Thái Lan	Siam Ikk
6	Vật tư cưa xẻ đá	Trung Quốc	Longhai Doulung Saw Blade
7	Vật tư cưa xẻ đá	Trung Quốc	Huada Superabrasive Tool Technology

Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài

▪ **Sản xuất và chế biến đồ gỗ**

Nguyên liệu chính của công ty là gỗ Bạch đàn, Teak, Chò, Kapur, Dầu, Thông... được nhập khẩu từ nước ngoài (Nam Phi, Solomon, Uruguay, Papua New Guine, Malaysia, Ecuador, Bắc Mỹ, Ivorycoast...) chiếm khoảng 90%, còn lại là mua từ các nguồn hợp pháp ở trong nước.

Hầu hết sản phẩm được sản xuất từ các loại gỗ có chứng nhận FSC (Chứng nhận xuất xứ gỗ của Tổ chức Phi chính phủ quản lý rừng thế giới cấp). Còn các loại gỗ không FSC cũng được nhập từ những nguồn hợp pháp và có chứng nhận của chính quyền địa phương.

Đặc biệt, nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình sản xuất. Gỗ luôn được sấy ở nhiệt độ thích hợp nhất để đáp ứng cho từng khu vực với thời tiết nhiệt độ khác nhau. Trước khi đưa vào sản xuất, toàn bộ gỗ đều được qua kiểm tra quy cách để thích hợp cho hàng ngoài trời hay trong nhà. Bên cạnh đó, chất lượng vật tư phụ kiện lắp ráp và bao bì đóng gói cũng được kiểm soát chặt chẽ.

Bảng 10 - Một số nguồn cung cấp nguyên vật liệu gỗ của Công ty Cổ phần Phú Tài

STT	Loại gỗ	Nước sản xuất	Nhà cung cấp
1	Bạch đàn	Uruguay, Papua, Newguinea	Sudima International
2	Teak, thông	Panama, Guatemala, New Zealand	Carter Holt, Kauri Timber, Lumber Export
3	Tạp, chò	Malaysia	Flight Timber, Borion Enterprise Ltd . . .
4	Teak, tạp	Brazil, Ivory coast	Vica Timber
5	Teak, cam xe, chò	Ivory coast, Panama	Ashburton Timber

Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài

▪ **Kinh doanh xe Toyota**

Nguồn xe Toyota của Công ty hiện nay được cung cấp bởi Công ty Toyota Việt Nam. Số lượng xe do hãng Toyota cung cấp cho Phú Tài được thông qua hợp đồng đại lý phân phối giữa Công ty Cổ phần Phú Tài và Công ty Toyota Việt Nam.

Đối với các hoạt động cung cấp dịch vụ cho xe Toyota thì các nguyên liệu mà Phú Tài sử dụng phục vụ cho sửa chữa, bảo hành và bảo dưỡng gồm có: phụ tùng thay thế các loại, dầu nhớt và các chất phụ gia (dùng để đánh bóng xe, tẩy nệm..). Tất cả các nguyên liệu này được cung cấp từ Nhà máy Toyota Việt Nam nên chất lượng rất đảm bảo thỏa mãn được nhu cầu khách hàng.

❖ **Sự ổn định của nguồn cung cấp**

▪ **Sản xuất và chế biến đá, vật liệu xây dựng**

Nguồn khai thác đá của Công ty từ các tỉnh trong nước như Bình Định, Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Thuận, Gia Lai, Đak Nông ...và một số được nhập từ Na Uy và Ấn Độ. Phú Tài đã chủ động nguồn nguyên liệu đá Granit & Bazan với nhiều màu sắc đa dạng khác nhau như đá đen Bazan, đá Granit màu vàng, tím, xanh, đỏ, trắng, đen... Với trữ lượng mỏ đá hiện tại và tiềm năng khoáng sản lớn tại khu vực miền Trung đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu sản xuất của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn đầu tư vào hai nhà máy sản xuất đá nguyên liệu tại tỉnh Đak Nông và Khánh Hòa nhằm tạo sự chủ động hơn đối với nguồn nguyên liệu của Công ty, khắc phục được những khó khăn trong việc thu mua nguyên liệu do chính sách bảo hộ tài nguyên tại các địa phương. Trữ lượng các mỏ đá tại các tỉnh Đak Nông, Khánh Hòa rất dồi dào, chất lượng tốt, phù hợp với nhu cầu thị trường, đáp ứng khả năng cung cấp cho các nhà máy sản xuất của Công ty. Ngoài ra, Công ty đang xúc tiến làm thủ tục khai thác thăm dò 01 mỏ đá granite mới Phù Mỹ, Bình Định tiến tới khai thác dài hạn.

Bảng 11 - Các mỏ đá cung cấp nguyên liệu Công ty Cổ phần Phú Tài

STT	Mỏ đá	Trữ lượng (m3)	Địa điểm	Thời gian khai thác (năm)	Ghi chú
1	Mỏ Vân Canh	41.000	Huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định	>12	
2	Mỏ Phú Yên	49.700	Tỉnh Phú Yên	>15	
3	Mỏ Đak Nông	68.000	Tỉnh Đak Nông	>20	
4	Mỏ Phù Cát	59.000	Huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định	>20	

STT	Mỏ đá	Trữ lượng (m3)	Địa điểm	Thời gian khai thác (năm)	Ghi chú
5	Mỏ Sơn Triều	6.183.986	Huyện An Nhơn, tỉnh Bình Định	>35	Theo trữ lượng tham dò giai đoạn 1 bao gồm cả khai thác tận thu

Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài

Tỷ trọng các nguồn nguyên liệu sử dụng cho sản xuất hiện tại như sau:

Bảng 12 - Tỷ trọng nguồn nguyên liệu đá đầu vào của Công ty

STT	Nguồn khai thác	Tỷ trọng
1	Nguyên liệu tự khai thác	15%
2	Nguyên liệu mua trong nước	60%
3	Nguyên liệu nhập khẩu	25%

Nguồn: Công ty cổ phần Phú Tài

Để đảm bảo ổn định giá nguyên vật liệu đầu vào, Công ty Phú Tài đã thực hiện các giải pháp sau:

- Đối với nguyên liệu tự khai thác: Phú Tài tăng cường công tác quản lý khai thác mỏ, đẩy mạnh công suất khai thác và có kế hoạch dự trữ hợp lý.
- Đối với nguyên liệu mua trong nước và nhập khẩu: Công ty đã xây dựng các nhà máy gần với khu khai thác nguyên liệu, thiết lập mối quan hệ lâu dài với đối tác là nhà cung cấp nguyên liệu. Thực hiện ký kết các hợp đồng thu mua đá với khối lượng lớn, lâu dài, dựa trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi. Công tác dự báo và thực hiện kế hoạch dự trữ được Công ty chú trọng.

▪ **Sản xuất và chế biến đồ gỗ**

Nguồn nguyên liệu chính của Công ty chủ yếu nhập từ nước ngoài (như Nam Phi, Uruguay, Papua New Guine, Canada, Brazil,...) chiếm khoảng 90% tổng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất chế biến, 10% còn lại thu mua từ nguồn nguyên liệu trong nước.

Ưu điểm của nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu là chất lượng đảm bảo, cung cấp ổn định, số lượng nhiều.

Trước khi bước vào chu kỳ kế hoạch sản xuất kinh doanh, Công ty đã chủ động nhập khẩu nguyên liệu với số lượng lớn, vừa đảm bảo cho sản xuất vừa kinh doanh thương mại. Ngoài ra, đối với các nguồn nguyên liệu nhập từ nước ngoài, Công ty đặt quan hệ làm ăn lâu dài và thân thiết với các đối tác lớn, có uy tín, vì vậy Công ty luôn chủ động trong việc nhập nguyên liệu.

▪ **Kinh doanh xe ô tô Toyota**

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ cho xe Toyota thì vật tư sử dụng phục vụ cho sửa chữa, bảo hành và bảo dưỡng gồm có: phụ tùng thay thế các loại, dầu nhớt và các chất phụ gia (dùng để đánh bóng xe, tẩy nệm...). Tất cả vật tư này được cung cấp từ hãng Toyota Việt Nam nên chất lượng rất đảm bảo.

❖ **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận**

▪ **Sản xuất khai thác chế biến đá**

Giá trị nguyên vật liệu đá chiếm tỷ trọng 35% trong giá thành sản phẩm, điều này làm ảnh hưởng đến lợi nhuận hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, ngoài việc trực tiếp khai thác nguyên liệu tự cung cấp cho sản xuất, Công ty đã thiết lập nhiều mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với nhiều nhà cung cấp nguyên liệu trong và ngoài nước, do đó biến động về giá nguyên liệu nằm trong tầm kiểm soát của Công ty.

▪ **Sản xuất và chế biến đồ gỗ**

Đối với ngành sản xuất và chế biến gỗ, nguồn nguyên liệu chủ yếu là nhập khẩu. Nguồn nguyên liệu trong nước ngày càng khan hiếm, do xu hướng tiêu dùng sản phẩm thân thiện môi trường, hạn chế khai thác rừng tự nhiên. Giá trị nguyên liệu chiếm tỷ trọng khoảng 45% trong giá thành sản phẩm, vì vậy, biến động giá cả nguồn nguyên liệu gỗ luôn được dự báo sẽ tác động đến doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Để giảm thiểu những rủi ro về biến động giá nguyên liệu gỗ, Công ty thường xuyên lập kế hoạch nhập khẩu nguyên liệu gỗ cho cả năm, hợp đồng ký với nhà cung ứng hàng năm. Khi giá nguyên liệu tăng thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán sản phẩm, Công ty có thể tăng giá bán để làm giảm rủi ro tăng giá nguyên liệu. Ngoài ra, Công ty sẽ có phương án chuyển dần sử dụng nguyên liệu gỗ tự nhiên sang sử dụng

nguyên liệu gỗ nhân tạo như MFC (Melamine Face Chipboard.), MDF (Medium Density Fiberboard)

▪ **Kinh doanh và cung cấp dịch vụ sửa chữa xe Toyota**

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá cao trong doanh thu của dịch vụ sửa chữa xe Toyota (khoảng 70%) nên sự biến động của các nguyên vật liệu này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của dịch vụ sửa chữa. Đến thời điểm hiện nay, giá cả biến động của các loại phụ tùng là không đáng kể do tất cả các phụ tùng thay thế đều được cung cấp trực tiếp từ hãng xe Toyota.

6.3 Chi phí sản xuất

Bảng 13 - Tỷ trọng chi phí/doanh thu năm 2008, 2009 và 2010

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Phát sinh	% Doanh thu thuần	Phát sinh	% Doanh thu thuần	Phát sinh	% Doanh thu thuần
Giá vốn hàng bán (*)	925.503	87,10	1.238.455	90,8	1.469.563	89,28
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.381	2,48	40.655	2,98	43.689	2,65
Chi phí bán hàng	42.825	4,03	40.333	2,95	51.053	3,1
Chi phí lãi vay	39.905	3,75	28.024	2,05	36.630	2,25

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2008,2009, 2010

Quản lý chi phí luôn là một trong những công tác trọng tâm của Công ty, được triển khai đến từng bộ phận. Đặc biệt chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí khác trong cơ cấu giá thành sản phẩm được kiểm soát chặt chẽ, các hợp đồng mua bán đều được đàm phán theo đúng trình tự, thủ tục quy định, đảm bảo các yêu cầu về cạnh tranh, tiết kiệm và chất lượng của nguyên vật liệu, góp phần kiểm soát tốt giá thành của sản phẩm. Tỷ lệ vốn hàng bán/doanh thu năm 2009 tăng lên 90,8% so với năm 2008 là 87,10% do ảnh hưởng của các yếu tố như: tỷ giá tăng làm ảnh hưởng đến nguyên vật liệu nhập khẩu để sản xuất các sản phẩm gỗ, đá. Ngoài ra, giá cả nguyên vật liệu biến động tăng làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của Công ty. Tuy nhiên tình hình trên đã được cải thiện hơn trong năm 2010.

Để công tác kiểm soát chi phí đạt được hiệu quả cao, Công ty cũng đã xây dựng hệ thống định mức sát thực cho các yếu tố tham gia cấu thành chi phí thành phẩm, làm căn cứ để kiểm soát giá thành và xây dựng định mức khoán cho các phân xưởng. Với việc tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh về giá các sản phẩm của Công ty.

(*) Cơ cấu giá vốn hàng bán như sau:

Bảng 13.1 – Cơ cấu giá vốn hàng bán năm 2008, 2009 và 2010

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi phí giá vốn hàng bán	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Phát sinh	% Cơ cấu GVHB	Phát sinh	% Cơ cấu GVHB	Phát sinh	% Cơ cấu GVHB
Sản phẩm đá	127.954	13,82	167.916	13,55	200.443	13,64
Sản phẩm gỗ	470.506	50,83	365.443	29,5	489.683	33,32
Xe Toyota, dịch vụ thương mại	327.043	35,35	705.096	56,95	779.438	53,04
Tổng cộng	925.503	100	1.238.455	100	1.469.564	100

Trong cơ cấu giá vốn hàng bán năm 2009 thì hoạt động thương mại kinh doanh xe Toyota chiếm tỷ trọng lớn nhất khoảng 56,9% cao hơn so với năm 2008 là 35,35%, và chiếm 53,04% năm 2010, cơ cấu giá vốn hàng bán của sản phẩm đá ổn định qua các năm 2008, 2009 và năm 2010 khoảng từ 13% - 15%. Đối với hoạt động sản xuất đồ gỗ thì năm 2009 là năm đầy khó khăn đối với ngành gỗ, do đó giá vốn hàng bán năm 2009 chỉ chiếm tỷ trọng 29,5% thấp hơn so với năm 2008 là 50,83%. Trong năm 2010, ngành sản xuất đồ gỗ có dấu hiệu phục hồi nên cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty tăng lên 33,32%

6.4 Trình độ công nghệ

a. Sản xuất sản phẩm đá

Trình độ công nghệ rất quan trọng đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng, thể hiện ưu thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Nhận thức rõ điều này, Công ty luôn chú trọng việc đầu tư vào công nghệ sản xuất ngay từ khi mới thành lập. Hiện nay công nghệ của Công ty được đầu tư đầy đủ, đồng bộ và hiện

đại, rất thuận lợi cho công tác sản xuất của doanh nghiệp, góp phần nâng cao vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp trong cùng ngành nghề.

❖ Quy trình sản xuất đá (trang sau)



Đá block tự nhiên



Cầu cổng 35 tấn



Đánh bóng



Cưa gang- saw



Cắt đá tấm theo quy cách



Thành phẩm

- **Công đoạn xẻ đá**

Đá nguyên liệu được đưa vào máy Gang-saw hoặc máy cưa chum để xẻ tùy theo loại quy cách nguyên liệu. Sau khi xẻ, đá sẽ ra thành từng tấm, có hình thù như một mặt phẳng tứ giác, độ dày tùy từng loại theo đơn đặt hàng.

- **Công đoạn đánh bóng**

Đá xẻ xong thành từng tấm sẽ được đưa vào đánh bóng. Sau khi đánh bóng, đá sẽ có bề mặt bằng phẳng, sáng bóng theo đúng chuẩn màu sắc của đá.

- **Công đoạn cắt quy cách**

Sau khi thực hiện xong đánh bóng, sản phẩm được xem như cơ bản đã hoàn thành. Tuy nhiên, tùy theo đặt hàng, đá sẽ được cắt ra thành từng tấm nhỏ với quy cách cụ thể theo từng loại. Sau khi cắt quy cách xong, sản phẩm được xem như hoàn thành.

b. Sản xuất sản phẩm gỗ

Quy trình sản xuất bắt buộc phải thực hiện một cách khoa học. Việc ứng dụng các tiến bộ công nghệ thiết bị được ưu tiên một cách thường xuyên kịp thời. Hiện tại Công ty và đơn vị đã áp dụng quản lý sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 và quản lý nguyên liệu bằng chương trình COC (Chain of Costudy) tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm do Tổ chức Phi chính phủ quản lý rừng Thế giới FSC (Forest Stewardship Council) ban hành.

Quy trình sản xuất gỗ là quy trình khép kín từ khâu nhập nguyên liệu cho đến thành phẩm, tiêu thụ. Công ty đã thực hiện một cách hoàn hảo. Những rủi ro trong sản xuất đều được định lượng trước và có biện pháp khắc phục kịp thời.

- **Quy trình sản xuất gỗ (trang sau)**



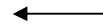
Gỗ tròn



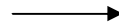
Cưa xẻ



Sấy gỗ



Ra phôi thô



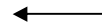
Ra phôi tinh



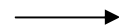
Sơn dầu bóng



Lắp ráp



Đóng gói



Giao hàng

Bảng 14 - Danh mục và giá trị một số máy móc thiết bị chế biến gỗ, đá

Đơn vị tính: 1000 đồng

STT	Danh mục	Số lượng	Xuất xứ
I	Thiết bị chế biến đá		
1	Máy cưa cắt đá các loại	75	Hàn Quốc, Ý
2	Máy xẻ đá Gangsaw	6	Italia, Nhật
3	Hệ thống cầu dầm, cầu trục, cầu công	18	Nhật, Hàn Quốc, Ý
5	Máy đánh bóng đá	28	Ý, Pháp, Hàn Quốc
6	Thiết bị khai thác đá	12	Nhật
II	Thiết bị chế biến gỗ		
1	Máy bào	40	Đài Loan
2	Máy chà nhám	30	Đài Loan
3	Máy cưa, rong, cắt	42	Đài Loan
4	Máy ghép	4	Đài Loan
5	Máy đục, khoan	32	Đài Loan
6	Máy làm mộng	16	Đài Loan
7	Máy phay	20	Đài Loan
8	Dây chuyền phun sơn	3	Đài Loan

Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài

c. Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota

Để trở thành nhà phân phối chính thức cho Công ty Toyota Việt Nam, Phú Tài phải đáp ứng được rất nhiều tiêu chuẩn khắt khe của hãng Toyota, đặc biệt là những tiêu chuẩn đối với showroom và xưởng sửa chữa phải là các thiết bị hiện đại, đáp ứng các tiêu chuẩn của Toyota.

Bảng 15 - Một số trang thiết bị của Xí nghiệp Toyota

STT	Máy móc thiết bị	Xuất xứ
1	Đèn sấy hồng ngoại	Nhật Bản
2	Thiết bị nắn khung xe	Nhật Bản
3	Buồng sơn sấy	Nhật Bản
4	Máy hàn hồ quang	Nhật Bản
5	Bộ thiết bị kiểm tra thông minh	Nhật Bản
6	Cầu nâng 2 trục, vít me 2,8T	Nhật Bản
7	Cầu nâng 4 trục, Bend Park	Nhật Bản
8	Cầu nâng 3,5 Tấn	Nhật Bản
9	Thiết bị khoan EM	Nhật Bản
10	Máy hút tái chế	Nhật Bản
11	Thiết bị nắn khung cửa mini chạy hơi	Nhật Bản
12	Máy hàn vòng đệm tự động đa năng	Nhật Bản
13	Đèn soi màu sơn	Nhật Bản
14	Buồng sơn sấy	Nhật Bản
15	Máy chuẩn đoán thông minh	Nhật Bản
16	Cầu nâng Rav 509	Nhật Bản

Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Đối với sản phẩm đồ gỗ, trước đây các nước phát triển giành độc quyền về việc phát minh hay thiết kế sản phẩm mới và chỉ đặt các nước đang phát triển gia công cho họ. Nhận thức được tầm quan trọng của việc tạo ra giá trị gia tăng đáng kể từ các sản phẩm mới, trong các năm qua, công ty đã chú trọng đầu tư vào việc nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới. Công ty đã mời các chuyên gia thiết kế có uy tín và học tập các xu hướng phát triển hiện nay của thế giới. Hiện tại, Công ty có đội ngũ thiết kế đồ gỗ nội thất chuyên nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, chuyên viên thiết kế của Phú Tài đã thiết kế một số mẫu theo yêu cầu của khách hàng và đã đạt được những kết quả rất khả quan như các mẫu đồ gỗ nội, ngoại thất: giường, tủ, bàn ghế làm việc, quầy

rượu v.v... Đây được xem là một trong những hoạt động trọng tâm trong chiến lược cạnh tranh, tạo vị thế riêng cho Phú Tài so với các công ty cùng ngành, tạo ra điểm nhấn đặc trưng cho các sản phẩm của công ty.

Đối với hoạt động kinh doanh xe hơi, Công ty đã triển khai xây dựng đại lý tiêu thụ xe Toyota theo đúng tiêu chuẩn 3S (Sales – Bán hàng, Service – Dịch vụ, Spare part – Phụ tùng chính hãng) của hãng xe Toyota nhằm thoả mãn 100% nhu cầu của khách hàng khi sử dụng sản phẩm của xe Toyota. Bên cạnh đó, từ những nhận định về thị hiếu của khách hàng, xí nghiệp Toyota của Công ty có kế hoạch phát triển thêm những dịch vụ khác theo hướng thực hiện các dịch vụ trọn gói về sửa chữa và bảo dưỡng xe.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

a. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm gỗ đá

Để đảm bảo chất lượng sản phẩm, Công ty phân định quy trình kiểm soát chất lượng đến từng bộ phận, thường xuyên đánh giá công tác kiểm soát chất lượng sản phẩm từng tổ, đội sản xuất. Mỗi tổ, đội sản xuất trong hệ thống quy trình sản xuất đều có một nhóm chuyên trách giám sát và kiểm tra chất lượng để phát hiện và điều chỉnh kịp thời lỗi sản phẩm.

b. Đối với hoạt động kinh doanh và cung cấp dịch vụ cho xe Toyota

Chất lượng xe, dịch vụ bán hàng và các dịch vụ hậu mãi là những tiêu chuẩn lựa chọn đầu tiên của khách hàng khi mua xe. Ban lãnh đạo Công ty luôn nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này và luôn cải thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Các dòng xe hiện tại đều được hãng Toyota cung cấp trực tiếp nên chất lượng xe luôn đạt tiêu chuẩn toàn cầu của chính hãng.

Đối với dịch vụ kinh doanh xe, Công ty luôn cố gắng cung cấp cho khách hàng chất lượng dịch vụ tốt nhất. XN Toyota luôn đáp ứng được các tiêu chí đề ra về chất lượng, dịch vụ giao hàng cho khách hàng đúng chất lượng, số lượng, chủng loại, đáp ứng mọi yêu cầu hợp lý của khách hàng. Quy trình công việc được kiểm tra thường xuyên liên tục, vì vậy XN Toyota đã hạn chế được nhiều sai sót và có khả năng khắc phục nhanh những sai sót xảy ra.

Đối với dịch vụ sửa chữa, hoạt động sửa chữa được kiểm tra, giám sát bởi bộ phận kỹ thuật có nhiều kinh nghiệm và uy tín trong ngành ô tô. Xưởng sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng luôn phấn đấu làm hài lòng khách hàng khi đến với Phú Tài.

6.6.1 Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Trong kinh doanh, chất lượng sản phẩm luôn được Công ty đặt lên hàng đầu, vì vậy Công ty định hướng cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất để ngày càng hoàn thiện chất lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, qua đó tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Hiện nay, Công ty đang áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm như: ISO9001:2000, COC, FSC (Tiêu chuẩn chuỗi hành trình sản phẩm do Tổ chức phí chính phủ quản lý rừng Thế giới ban hành)

6.6.2 Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty

- Về chất lượng sản phẩm
 - Công ty có đội ngũ kiểm soát chất lượng (QC) lành nghề, giám sát và kiểm soát chất lượng sản phẩm một cách cẩn thận trước khi xuất hàng nhằm cung cấp đến khách hàng những sản phẩm tốt nhất.
 - Nguồn nguyên liệu sử dụng chất lượng cao: như gỗ được tuyển chọn từ những chủng loại đảm bảo tiêu chuẩn chế biến xuất khẩu chủ yếu là gỗ rừng trồng có chứng nhận và nguyên liệu đá có nguồn gốc từ những ngọn núi chọn lọc.
 - Công ty luôn tìm tòi, đáp ứng nhu cầu sử dụng thực tế trong và ngoài nước.
 - Việc tuân thủ các quy cách kỹ thuật được đưa lên hàng đầu, nhằm đảm bảo tính ổn định và đồng đều về chất lượng sản phẩm.
- Về chất lượng dịch vụ
 - Công ty cam kết cung cấp giá cả hợp lý nhằm tạo lợi nhuận cho khách hàng.
 - Công ty cam kết giao hàng đúng hạn hợp đồng.
 - Có chế độ hậu mãi tốt, nhằm duy trì khách hàng cũ và mở rộng mối quan hệ với các khách hàng mới; nhờ vậy công ty có mối quan hệ tốt và làm ăn lâu dài với các đối tác trong và ngoài nước.

6.6.4 Chính sách về môi trường

“Công ty Phú Tài cam kết bảo tồn nguồn tài nguyên rừng và thiên nhiên”

Nhận thức được khách hàng luôn có nhu cầu thiết thực về việc thực hiện chính sách môi trường đối với các Công ty sản xuất, vì vậy, để thành công trong kinh doanh và giữ chữ tín, Công ty luôn tăng cường khả năng nhận thức việc kiểm soát rừng theo các qui định về bảo vệ môi trường áp dụng trong sản xuất những qui định này theo tiêu chuẩn quốc tế và quốc gia. Phú Tài đang tiếp tục thực hiện chính sách này và không ngừng cải tiến các phương pháp bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, Công ty đã đề ra các chương trình bảo vệ môi sinh như sau :

- Tham gia các chương trình trồng rừng.
- Nỗ lực hết mình trong việc phát triển công nghệ sản xuất, giảm thiểu gây ô nhiễm đến không khí, đất, nước.
- Thông báo đến tất cả nhân viên Công ty, có các khóa huấn luyện để nhân viên ý thức hơn về việc bảo vệ môi trường.
- Hợp tác với các đoàn thể, ban ngành, các cơ quan đại diện chính phủ để nâng cao nhận thức về việc kiểm soát và bảo vệ rừng, núi.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của chứng chỉ COC (Chain of Custody)
- Phú Tài đã được cấp giấy chứng nhận FSC-COC bởi tổ chức SGS-UK (Tổ chức giám định quốc tế tại Anh). Hầu hết các sản phẩm của Công ty đều có gắn logo FSC. Công ty luôn khuyến khích khách hàng sử dụng gỗ có chứng nhận FSC thay cho gỗ không có FSC.

6.7 Hoạt động Marketing

a. Hoạt động xúc tiến thương mại

Hàng năm Công ty đều tham gia vào các chương trình xúc tiến thương mại, các hội chợ triển lãm nhằm thu hút thêm khách hàng và mở rộng thị trường, bao gồm các chương trình hội chợ sau:

- Hội chợ ngành đá VietBuild, tổ chức tại các trung tâm lớn trong nước như Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội.
- Hội chợ đá quốc tế Xiamen, tổ chức hàng năm tại Trung Quốc.
- Hội chợ đá quốc tế Numberg, Frankfurt, tổ chức hàng năm tại Đức.
- Hội chợ quốc tế đồ gỗ và thủ công mỹ nghệ VIFA, tổ chức hàng năm tại Tp. HCM.

- Hội chợ quốc tế đồ gỗ và thủ công mỹ nghệ EXPO, tổ chức hàng năm tại Singapore

Với nỗ lực trong hoạt động xúc tiến thương mại Phú Tài đã mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trên nhiều quốc gia và đạt được nhiều giải thưởng uy tín trong và ngoài nước.

- Huy chương vàng “Sản phẩm đá Granit tự nhiên” và “Sản phẩm Bàn ghế Salon bằng gỗ xoan đào” năm 2001.
- Huy chương vàng “Sản phẩm đá Granit tự nhiên” do Bộ Thương Mại trao tặng năm 2004.
- Bằng khen của Bộ Thương Mại về “Thành tích xuất khẩu” các năm 1998, 2002, 2003.
- Bằng khen của Bộ Quốc Phòng tại hội chợ Expo-Cần Thơ năm 2001.
- Bằng khen của Phòng Thương Mại và Công Nghiệp Việt Nam về “Thành tích sản xuất kinh doanh” năm 2004.
- Bằng khen của Bộ Xây dựng về “Thành tích xuất khẩu vật liệu xây dựng” năm 2005.
- Giấy khen của Bộ văn hóa - Thông tin tại “Hội chợ triển vọng Việt Nam 2001-2010” và “Diễn đàn giao lưu kinh tế Việt Nam – Hoa Kỳ”.
- Giải thưởng “Cúp vàng thương hiệu” do Hiệp hội Thương hiệu – Nhãn hiệu trao năm 2007.
- Giải thưởng “Cúp vàng ISO” năm 2007.
- Giải thưởng “Cúp vàng chất lượng hội nhập - thương hiệu Việt” năm 2007.
- Giải thưởng siêu cúp thương hiệu mạnh và phát triển bền vững năm 2007.
- Cúp vàng danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” 2004-2006, 2008-2009.

b. Hoạt động quảng bá thương hiệu

- Công ty tiến hành quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, Công ty đã thiết lập website với địa chỉ www.phutai.com.vn nhằm giới thiệu sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Trang

web của Công ty được xây dựng trên tiêu chí chứa đựng nhiều thông tin, luôn cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh và các sự kiện quan trọng của Công ty.

- Việc niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh cũng là một cơ hội lớn của Công ty để quảng bá hình ảnh đến công chúng đầu tư và những đối tượng quan tâm.

c. Chính sách khách hàng

- Công ty cam kết cung cấp sản phẩm dịch vụ với giá cả hợp lý mang tính cạnh tranh nhất nhằm tạo lợi ích tối đa cho khách hàng.
- Cam kết giao hàng đúng tiến độ, tùy theo hợp đồng, thời gian sản xuất từ lúc nhận đơn hàng chính thức đến khi xuất hàng là 30- 45 ngày.
- Thực hiện chế độ hậu mãi phù hợp với từng đối tượng khách hàng bằng các hình thức như giảm giá bán, tặng thêm hàng mẫu, kéo dài thời hạn thanh toán... nhằm duy trì khách hàng cũ, mở rộng thêm khách hàng mới, do đó Công ty duy trì mối quan hệ tốt với khách hàng trong và ngoài nước

6.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu hiện nay của Công ty



6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện

Bảng 16 - Một số hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết của Công ty cổ phần Phú Tài

STT	Khách hàng	Nội dung	Giá trị HĐ (USD)	Thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng	Thời gian kết thúc hợp đồng	Số hợp đồng
Hợp đồng cung cấp sản phẩm gỗ và đá						
1	Dorel Industries Inc	Bán đồ gỗ ngoài trời	305.528	24/02/2011	11/05/2011	505152
2	Dorel Industries Inc	Bán đồ gỗ ngoài trời	150.690	30/09/2010	30/04/2011	504818
3	HEIPEI trading group	Bán đồ gỗ ngoài trời	240.625	04/08/2010	31/03/2011	1002765

STT	Khách hàng	Nội dung	Giá trị HĐ (USD)	Thời gian bắt đầu thực hiện hợp đồng	Thời gian kết thúc hợp đồng	Số hợp đồng
4	Lisco Furniture Inc.	Bán đồ gỗ ngoài trời	134.631	10/06/2010	30/04/2011	1239
5	Decor Ltd	Bán đồ gỗ ngoài trời	446.614	08/09/2010	30/04/2011	4500012913
6	Sourcebyenet Pte	Bán đồ gỗ trong nhà	85.000	25/01/2011	25/04/2011	32629
7	Công ty TNHH TX- CIRCA Việt Nam	Bán đồ gỗ trong nhà	650.000	20/02/2011	31/10/2011	25/TXC-PT
8	Công ty TNHH Trường Xuân	Bán đồ gỗ trong nhà	300.000	20/01/2011	31/03/2011	201101/TX-PT
9	Natursteinhandel e.K.- Stone Company	Bán đá thủ công basalt	35.395	31/03/2011	15/04/2011	201112
10	Prometeo SRL	Bán đá thủ công basalt	18.651	31/03/2011	15/04/2011	201136
11	Romana Stone Corp.	Bán đá thủ công granite	27.200	31/03/2011	15/04/2011	201113
12	Công ty TNHH Crust	Bán đá thủ công granite	34.410	10/04/2011	25/04/2011	201109
13	Công ty TNHH Nam Trung	Bán đá thủ công granite	1.364.615	10/01/2011	10/01/2012	101

Hợp đồng cung cấp ô tô

1	Công ty TNHH Đông Nam	Ô tô Toyota	39.713	21/02/2011	21/04/2011	356/TYT
2	Công ty TNHH Tâm Huy	Ô tô Toyota	39.800	08/03/2011	08/06/2011	433/TYT
3	Công ty TNHH Minh Phúc	Ô tô Toyota	39.800	16/03/2011	16/07/2011	472/TYT
4	Công ty TNHH Hải Nhi	Ô tô Toyota	48.000	18/02/2011	18/05/2011	346/TYT
5	Công ty TNHH Hua Dong	Ô tô Toyota	67.000	07/03/2011	31/03/2011	430/TYT
6	Công ty TNHH Thiên Thanh	Ô tô Toyota	226.000	10/01/2011	31/03/2011	193/TYT
7	Tập đoàn Mai Linh	Ô tô Toyota	656.410	08/12/2010	10/01/2011	1550/TYT
8	Công ty cổ phần Tân Cảng	Ô tô Toyota	123.110	22/02/2011	31/03/2011	364/TYT

Nguồn: Công ty Cổ phần Phú Tài

7 Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2008, 2009 và 2010

Bảng 17 - Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Tỷ lệ tăng giảm (%) 2008/2007	Năm 2009	Tỷ lệ tăng giảm (%) 2009/2008	Năm 2010	Tỷ lệ tăng giảm (%) 2010/2009
1	Tổng giá trị tài sản	545.420	41,73	488.637	- 10,41	603.079	23,42
2	Vốn điều lệ	59.999,4	87,49	59.999,4	0	85.997,6	43,33
3	Doanh thu thuần	1.061.389	17,69	1.362.807	28,39	1.649.638	21,04
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	19.870	- 28,28	18.635	- 6,21	48.777	161,74
5	Lợi nhuận khác	1.634	- 21,32	3.831	134,45	3.802	- 0,75
6	Lợi nhuận trước thuế	21.505	- 27,79	22.467	4,47	52.579	134,02
7	Lợi nhuận sau thuế	17.471	-30,54	16.672	- 4,57	39.047	134,20
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức/VĐL	21%	0%	18%	-8%	20%	11%
	+ Tiền mặt	21%	0%	8%		10%	
	+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu			10%		10%	

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009 và 2010

- Tổng giá trị tài sản của Công ty năm 2009 giảm so với năm năm 2008 là 10,41% do Công ty đã tích cực tiến hành thu hồi các khoản nợ bị chiếm dụng từ khách hàng, giảm tỷ trọng vay nợ ngân hàng cũng như các khoản chiếm dụng của các nhà cung cấp. Năm 2010, tổng tài sản tăng so với năm 2009 là 23,42% do những nguyên nhân sau:
 - Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 107,66% so với năm 2010
 - Công tác bán hàng được đẩy mạnh, doanh thu có sự tăng trưởng đột biến kéo theo khoản nợ phải thu của khách hàng tăng 91,53% so với năm 2009, trong thời gian tới Công ty sẽ tăng cường chặt chẽ công tác thu hồi nợ.
 - Hàng tồn kho năm 2010 giảm 20% so với năm 2009, do ngành gỗ có dấu hiệu phục hồi và tạo điều kiện thuận lợi cho các sản phẩm gỗ của Công ty được tiêu thụ tốt, giảm được lượng hàng hoá tồn kho.

- Doanh thu trong giai đoạn 2008- 2010 đều có sự tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng doanh thu lần lượt qua các năm là 17,69%, 28,39% và 21,04%. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn này đạt 22,37%. Doanh thu thuần năm 2010 có sự tăng trưởng đột biến đạt 1.649 tỷ đồng, doanh thu năm 2010 của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh đồ gỗ (tăng 40,05% so với năm 2009) và hoạt động kinh doanh sản phẩm đá các loại (tăng 20,25 % so với năm 2009). Riêng hoạt động kinh doanh dịch vụ và xe toyota tăng 10,79% so với năm 2009. Nhìn chung doanh thu năm 2010 tăng so với năm 2009, điều này thể hiện sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trong tình hình nên còn chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế.
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2009 giảm so với năm 2008 là 6,21% do ảnh hưởng của các yếu tố như: biến động tăng giá cả nguyên vật liệu đầu vào và biến động tăng tỷ giá hối đoái làm ảnh hưởng đến nguyên vật liệu nhập khẩu như gỗ đá, điều này làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm của Công ty. Năm 2010, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế tăng 161,74% so với năm 2009, đây là tốc độ tăng trưởng cao nhất từ trước đến nay của Công ty.
- Mặc dù lợi nhuận trước thuế năm 2009 tăng 4,47% so với năm 2008, tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế năm 2009 giảm 4,57% so với năm 2008 do Công ty phải đóng thuế TNDN nhiều hơn so với năm 2008, do năm 2008 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp (miễn 100% trong 2 năm đầu và giảm 50% trong 2 năm sau khi Công ty chuyển đổi sang Công ty cổ phần). Năm 2010 tỷ lệ lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng 134,20%, do ngành sản xuất gỗ có dấu hiệu phục hồi nên đóng góp cao vào cơ cấu lợi nhuận của Công ty

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Những nhân tố thuận lợi

- Chất lượng sản phẩm được Công ty đặt lên hàng đầu, tạo được niềm tin nơi khách hàng. Đây cũng là một trong những yếu tố thuận lợi giúp cho Công ty thu hút thêm lượng khách hàng tiềm năng. Phú Tài luôn kiên định với những chính sách như: đẩy mạnh và duy trì tốt mối quan hệ kinh doanh với đối tác, giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro của khách hàng khi sử dụng sản phẩm, giá cả hợp lý

nhằm tạo lợi nhuận cho khách hàng, thông tin trong kinh doanh luôn minh. Đây cũng là triết lý kinh doanh của Công ty từ khi thành lập cho đến nay.

- Công ty luôn chủ động công tác quảng bá, tiếp thị nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh; xây dựng và phát triển thương hiệu nhằm củng cố và mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Nền kinh tế gặp rất nhiều khó khăn trong năm 2010 nhưng Công ty Phú Tài vẫn khắc phục khó khăn, cụ thể là doanh thu đạt 1.645 tỷ, lợi nhuận sau thuế đạt 39 tỷ đồng, mức tăng trưởng có tính đột biến và cao nhất qua các năm. Trong tình trạng nền kinh tế khó khăn nhiều doanh nghiệp kinh doanh không hiệu quả, Phú Tài vẫn năng động tìm kiếm thị trường, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, nâng cao giá trị của Công ty và lợi ích của cổ đông.
- Công ty luôn duy trì tốt mối quan hệ tốt với các Ngân hàng tại tỉnh Bình Định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động vốn phục vụ cho nhu cầu sản xuất của Công ty.

❖ Những nhân tố khó khăn

Bên cạnh những nhân tố thuận lợi Công ty cổ phần Phú Tài còn đối mặt với những khó khăn sau:

- Môi trường kinh doanh không thuận lợi, tiềm ẩn nhiều yếu tố mất ổn định, tác động không thuận lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng đến thị trường tiêu thụ của Công ty
- Các yếu tố vĩ mô trong nước không ổn định, lạm phát cao, nhà nước thực hiện chính sách thắt chặt tín dụng, tạo ra khó khăn về vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư. Ngoại tệ khan hiếm, trong năm Chính phủ thực hiện giảm giá tiền đồng Việt Nam hai lần, từ tháng 11/2010 trở đi ngoại tệ tồn tại 2 tỷ giá (tỷ giá Nhà nước Quy định và tỷ giá thị trường tự do) ảnh hưởng lớn đến hoạt động nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Tình trạng thiếu điện phục vụ cho sản xuất kéo dài làm giảm công suất của các nhà máy, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty Phú Tài.
- Tỷ lệ nợ vay/Tổng nguồn vốn của Phú Tài luôn chiếm tỷ lệ cao khoảng 80%, gây căng thẳng về vốn kinh doanh cho Công ty, trong thời kỳ kinh tế khó khăn

lãi suất huy động cao sẽ làm giảm lợi nhuận của Công ty, tăng rủi ro về mặt thanh toán.

8 Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

❖ Năng lực hiện tại của Công ty

Qua quá trình hoạt động, Công ty đã không ngừng phát triển. Doanh thu hàng năm đạt trên 1.300 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10%/năm. Công ty được xếp hạng một trong 500 doanh nghiệp ngoài quốc doanh lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm 2007. Năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty đối với các ngành nghề như sau:

- Ngành sản xuất đá ốp lát năng lực sản xuất: 800.000 m²/năm
- Ngành sản xuất đá thủ công năng lực sản xuất: 15.000 m³/năm.
- Ngành sản xuất đá nghiền sản năng lực sản xuất: 150.000 m³/năm.
- Ngành sản xuất đồ gỗ có công suất 17.000 m³/năm.
- Ngành kinh doanh, dịch vụ sửa chữa xe Toyota có công suất 27.000 lượt xe/năm, khả năng tiêu thụ 1.500 chiếc/năm.

❖ Quy mô của Công ty

Công ty có 6 đơn vị đầu mối trực thuộc với 10 đơn vị thành viên, hoạt động kinh doanh tại các tỉnh Bình Định, Đà Nẵng, Khánh Hoà, Phú Yên, Gia Lai, ĐakNông, Đồng Nai và Tp. Hồ Chí Minh. Tổng giá trị tài sản của Công ty khoảng 500 tỷ, trong đó giá trị máy móc thiết bị và nhà xưởng 140 tỷ đồng.

❖ Thị phần của Công ty

Trong nhiều năm qua, Công ty đã thiết lập và giữ vững được thị phần rộng lớn với những khách hàng truyền thống, Công ty cũng đang tìm kiếm và mở rộng thêm khách hàng trong và ngoài nước. Đến nay thị phần của Công ty bao gồm những tỉnh thành sau:

- Sản phẩm đá: Hà Nội, Hải Phòng, Vinh, Đà Nẵng, Bình Định, Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Châu Âu, Châu Á...
- Sản phẩm gỗ: Xuất khẩu sang các nước Châu Âu, Châu Mỹ.

- Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota: Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, KomTum, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên, Bình Định...
- Dịch vụ thương mại: kinh doanh mặt hàng gỗ tại các tỉnh Đà Nẵng, Bình Định, Gia Lai, Phú Yên, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai.

8.2 Triển vọng của ngành

❖ Ngành sản xuất, chế biến gỗ Việt Nam:

Tốc độ tăng trưởng tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam giai đoạn 2001-2006 tăng trưởng trung bình đạt 38%/năm. Vào năm 2008, tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ chững lại đạt 2,8 tỷ USD và giảm nhẹ xuống mức 2,7 tỷ USD vào năm 2009. Vào quý IV/2009, kim ngạch xuất khẩu đã có những tín hiệu phục hồi tích cực. Xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam nằm trong top 4 khu vực Asean (chỉ sau Malaysia, Thailand, Indonesia). Theo số liệu thống kê của Hiệp hội gỗ và lâm sản Việt Nam (Vietforest), kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ năm 2010 đạt được 3,402 tỷ USD - đây là kim ngạch đạt được cao nhất từ trước tới nay. Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (Vietforest) cũng dự báo xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam năm tới sẽ đạt kim ngạch khoảng 4 tỷ USD. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ đồ gỗ của thế giới là rất lớn. Mỗi năm tiêu thụ khoảng 230 tỷ USD. Việt Nam xuất khẩu 4 tỷ USD mới chỉ bằng 2% nhu cầu của thế giới.

❖ Ngành đá xây dựng, ốp lát:

Nguồn khoáng sản để sản xuất đá ốp lát của nước ta rất đa dạng phong phú về chủng loại như đá granite, đá bazan, đá marble, thạch anh có nhiều màu sắc các loại: màu đỏ, vàng, trắng, hồng, xanh, lục, đen,... với trữ lượng rất lớn. Theo tài liệu tìm kiếm thăm dò của 7 vùng Tây Bắc, Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, duyên hải miền Trung, miền Đông Nam bộ và Tây Nam Bộ, có 325 mỏ, với trữ lượng tìm kiếm là 37 tỉ m³. Trữ lượng đá lớn này có thể được khai thác, chế biến phục vụ cho ngành sản xuất đá ốp lát đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu lâu dài.

Ngoài nguồn nguyên liệu đá có sẵn trong nước, các doanh nghiệp Việt Nam nhập khẩu các nguyên liệu đá khối có chất lượng tốt, màu sắc đẹp mà nước ta không có để về gia công chế biến cung cấp cho thị trường trong nước, đồng thời xuất khẩu ra nước ngoài, tăng năng lực cạnh tranh của đá ốp lát Việt Nam trên thị trường Quốc tế.

❖ **Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota**

Mặc dù chịu ảnh hưởng nhiều từ tác cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng thị trường sản phẩm xe ô tô du lịch, xe lắp ráp trong nước vẫn tăng trưởng. Tổng sản phẩm ô tô tiêu thụ năm 2009 đã không ngừng tăng, đạt 119.460 chiếc, tăng 7% so cùng kỳ năm 2008. Theo đánh giá của Hiệp hội ô tô Việt Nam (VAMA), năm 2010 sản lượng tiêu thụ ô tô khoảng 112.224 xe giảm 6% so với năm 2009. Tuy nhiên, theo thông tin từ Công ty Toyota Việt Nam thì thị phần xe Toyota trong năm 2010 là 27,7% tiếp tục dẫn đầu thị trường ô tô Việt Nam với mức tiêu thụ xe kỷ lục là 31.135 xe (nâng doanh số tích lũy từ khi thành lập tại Việt Nam cho đến nay khoảng 177.000 xe), tăng 3,4% so với năm 2009, đây là thông tin tốt đối với Toyota Việt Nam mặc dù ngành ô tô chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu.

Với ưu thế về chất lượng, giá cả, chất lượng dịch vụ và mẫu mã phù hợp với thị hiếu của người Việt Nam, Toyota luôn là thương hiệu đáng tin cậy về chất lượng và độ bền của sản phẩm. Trong thời gian vừa qua, tổng lượng xe tiêu thụ của thương hiệu Toyota luôn giữ vững vị trí cao nhất trong số các hãng sản xuất và kinh doanh xe tại Việt Nam.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

❖ **Đối với ngành chế biến xuất khẩu đồ gỗ**

Đồ gỗ Việt Nam đang được ưa chuộng tại nhiều nước, cùng với những khách hàng chiến lược, thông qua những sản phẩm có chất lượng và sức cạnh tranh cao. Theo chiến lược phát triển tổng thể ngành chế biến gỗ Việt Nam đến năm 2010 và năm 2020, ngành chế biến gỗ phải đạt kim ngạch xuất khẩu là 7 tỷ USD vào năm 2020. Xu hướng chung của các thị trường tiêu thụ đồ gỗ lớn như Bắc Mỹ, EU,... ngày càng đòi hỏi nghiêm ngặt về môi trường và an toàn sản phẩm. Về vấn đề này thì Phú Tài luôn tuân thủ các tiêu chuẩn do FSC ban hành và luôn đáp ứng được nhu cầu khắt khe của các đối tác nước ngoài.

Ngoài ra, để khắc phục việc phụ thuộc hoàn toàn vào nguyên liệu nhập khẩu, Thủ tướng đã phê duyệt đề án thành lập sàn giao dịch gỗ điện tử, hiện Hiệp hội gỗ và lâm sản đang triển khai các công việc cụ thể. Dự kiến, sàn giao dịch sẽ cung cấp thông tin giá cả thị trường gỗ trong nước và thế giới, các vấn đề về pháp luật khi các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ ra nước ngoài.

❖ **Ngành đá xây dựng, ốp lát**

Cùng với sự phục hồi và phát triển của thị trường bất động sản, sự gia tăng đầu tư các công trình hạ tầng và các khu đô thị đã tạo điều kiện cho ngành công nghiệp sản xuất đá ốp lát, đá xây dựng có những phát triển vượt bậc.. Theo Quyết định 121/2008/QĐ-TTg ngày 29/08/2008 phê duyệt quy hoạch tổng thể ngành công nghiệp vật liệu xây dựng Việt Nam thì dự báo nhu cầu đá ốp lát năm 2010 là 7 triệu m², đến năm 2020 là 14-15 triệu m². Với những điều kiện thuận lợi như trên sẽ tạo tác động tích cực đến ngành sản xuất đá xây dựng và ốp lát của Công ty Cổ phần Phú Tài.

❖ **Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota**

Với dân số trên 84 triệu người và tỷ lệ sở hữu ô tô trên đầu người của Việt Nam hiện đang rất thấp trong khi nền kinh tế luôn đạt tăng trưởng tốt, thu nhập và thị hiếu người dân ngày càng cao, thì thị trường ô tô là thị trường đầy tiềm năng.

Năm 2010, sản lượng tiêu thụ xe đạt 112.224 xe (Theo thống kê từ Hiệp hội ô tô Việt Nam). Mức độ tiêu thụ xe như trên chưa tương xứng với tiềm năng phát triển của thị trường ô tô Việt Nam). Nhưng tiềm năng sẽ phát huy tối đa nếu như giá xe được đưa về mặt bằng giá chung của khu vực và thế giới. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào chính sách của nhà nước. Theo cam kết với Tổ chức thương mại thế giới (WTO-World Trade Organization), đến năm 2014, thuế nhập khẩu các loại ô tô sẽ phải giảm xuống 70% và đến 2017 thuế nhập khẩu ô tô chờ người sẽ là 47%. Riêng trong khuôn khổ Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA - ASEAN Free Trade Area), Việt Nam cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu xuống 0% đối với các loại ô tô từ chín chỗ ngồi trở xuống vào 2018. Tới lúc ấy, nếu thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt vẫn giữ nguyên mức như hiện nay, mặt bằng giá ô tô sẽ giảm mạnh và đây sẽ là yếu tố quan trọng để thúc đẩy thị trường ô tô phát triển.

9 Chính sách đối với người lao động

❖ **Số lượng người lao động**

Nhận thức được chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững nên Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, lành nghề và năng động lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tính đến thời điểm 31/12/2010, số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty là 2.037 người.

Bảng 18 - Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2010 của công ty Phú Tài

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
I	Phân loại theo tính chất lao động	2.037	100
1	Lao động gián tiếp	316	15,51
2	Lao động trực tiếp	1.721	84,49
II	Phân loại theo trình độ	2.037	100
1	Đại học cao đẳng	173	8,49
2	Trung cấp, công nhân kỹ thuật	168	8,24
3	Sơ cấp, tự đào tạo	1.696	83,27
III	Phân loại theo giới tính	2.037	100
1	Lao động Nam	1.370	67,3
2	Lao động Nữ	667	32,7

Nguồn: Công ty cổ phần Phú Tài

❖ **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

▪ **Chế độ làm việc:**

Thời gian làm việc: Công ty cổ phần Phú Tài luôn quan tâm đến chính sách đối với người lao động. Số giờ làm việc trong tuần là 48 giờ/tuần. Số giờ làm một ngày là 8 giờ/ngày.

Bảo hộ lao động: Người lao động được trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động theo đúng qui định và điều kiện môi trường làm việc.

Chế độ khám sức khỏe cho người lao động: Hàng năm Công ty thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- **Chính sách tuyển dụng và đào tạo người lao động:**

Tuyển dụng: Công ty luôn quan tâm đến công tác tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng về chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề nhằm đảm bảo cho sự phát triển của Công ty. Tùy theo yêu cầu của công việc của từng phòng ban, bộ phận mà Công ty xây dựng các tiêu chí tuyển dụng cụ thể để đáp ứng yêu cầu chung là chuyên môn, nhiệt tình và năng động.

Công tác đào tạo: Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu. Với những hình thức đào tạo trên, Công ty đã tạo điều kiện cho người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Công ty còn sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của công ty nhằm gia tăng về chất lượng lao động. Ngoài ra, hàng năm công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động trực tiếp; tổ chức cho cán bộ nhân viên quản lý tham gia các khoá học về kiến thức quản lý, chuyên môn.

- **Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi**

Chính sách lương: Công ty xây dựng chế độ tiền lương dựa theo các quy định hiện hành của Nhà nước; cơ sở nền tảng để trả lương dựa vào hiệu quả kinh doanh thực hiện, kết hợp với giá trị công việc, giá trị sản phẩm, vai trò, trách nhiệm của người lao động và các yếu tố ảnh hưởng bởi nền kinh tế, xã hội như: mặt bằng thị trường từng địa phương, hệ số trượt giá, tăng trưởng về thu nhập bình quân... Đối với lao động làm ngoài giờ thì tính lương hệ số 150%, làm thêm ngày nghỉ trong tuần hệ số 200%. Chính sách lương được thể hiện trong quy chế trả lương của Công ty. Quy chế trả lương đảm bảo sự công bằng, minh bạch, thực sự khuyến khích người lao động phát huy năng lực làm việc.

Chính sách khen thưởng: Công ty áp dụng chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động gây ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín của Công ty.

Chế độ phúc lợi: Công ty luôn đóng đầy đủ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo đúng chế độ của Luật lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp khác nhau dành cho người lao động.

❖ **Tình hình thu nhập của của công nhân viên**

Bảng 19 - Tình hình thu nhập của Cán bộ công nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	3.616.093	3.177.675
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	3.689.847	3.601.648

Nguồn Công ty cổ phần Phú Tài

10 Chính sách cổ tức

Cổ tức của Công ty được quyết định bởi Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Ngoài ra, một số quy định chi tiết về chính sách cổ tức được ghi rõ trong Điều 40–Điều lệ Công ty cổ phần Phú Tài.

❖ **Tỷ lệ chia cổ tức qua các năm như sau**

Bảng 20 - Tình hình chia cổ tức của Công ty Cổ phần Phú Tài các năm 2008, 2009, 2010

Đơn vị tính: đồng

Năm	2008	2009	2010
Lợi nhuận sau thuế	17.471.888.579	16.672.310.648	39.047.308.797
Cổ tức /mệnh giá (%)	21% (*)	18%	20% (**)
+ Tiền mặt	21%	8%	10%
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu		10%	10%

Nguồn Công ty cổ phần Phú Tài

- ✓ Cổ tức năm 2009 đã được thanh toán hết cho cổ đông bằng tiền mặt là 8%, Công đã tiến hành trả cổ tức bằng cổ phiếu là 10%. (Báo cáo tăng vốn số 138/CV-PT ngày 13/05/2010 gửi UBCKNN)
- ✓ (*) Cổ tức được chia năm 2008 là 21%. Trong năm 2008, tình hình tài chính của Công ty có gặp khó khăn do bị tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính thế giới cũng như trong nước. Vì vậy, Công ty đã thực hiện vay lại tiền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2008 của cổ đông là 14% (Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 64/QĐ-HĐQT) để củng cố nguồn vốn sản xuất kinh doanh cho năm 2009. Thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất vay bằng 120% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước ban hành. Việc vay lại cổ tức được thực hiện một cách công khai minh bạch. Thời điểm bắt đầu vay lại cổ tức là ngày 25/12/2008. Thời điểm hoàn trả cổ tức năm 2008 (21%) cho cổ đông là bao gồm cả nợ gốc và lãi vay của cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2008 là ngày 01/07/2009.
- ✓ (**) Cổ tức năm 2010 là 20%, đã được Đại hội cổ đông thông qua vào ngày 22/03/2011. Trong đó: Cổ tức bằng tiền mặt là 10% đã chi trả cho các cổ đông vào quý 2/2011. Cổ tức bằng cổ phiếu dự kiến sẽ được thực hiện vào tháng 04 năm 2011.

11 Tình hình tài chính của Công ty

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Quyết định số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài Chính. Chính sách khấu hao được áp dụng nhất quán qua các năm. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 21 – Chính sách khấu hao của Công ty cổ phần Phú Tài

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 30
Máy móc, thiết bị văn phòng	3 – 9
Phương tiện vận tải	4 – 12
Dụng cụ quản lý	3 – 8

❖ **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất. Đây là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan đến sử dụng đất.

❖ **Mức lương bình quân**

Mức lương bình quân của người lao động trong năm 2009 3.616.093 đồng/người/tháng. Năm 2010 mức lương bình quân của người lao động là 3.177.675 đồng/người/tháng. Với số lượng trên 2.000 lao động thì mức lương bình quân như trên là tương đối cao hơn so với các doanh nghiệp cùng ngành.

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Theo báo cáo kiểm toán hợp nhất được kiểm toán năm 2008, 2009, 2010, đến thời điểm hiện tại Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào, Các khoản nợ đến hạn phải trả đều được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Thuế Giá trị tăng (GTGT): Công ty có nghĩa vụ nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau

- Kinh doanh sản phẩm đá: 10%
- Kinh doanh sản phẩm gỗ: 10%
- Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota: 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu TNDN với thuế suất 25%.

Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại chi nhánh ĐăkNông, Khánh Hòa, do là cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn (Theo Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ).

Năm 2009 là năm đầu tiên chi nhánh Khánh Hòa và Đăk Nông được miễn thuế TNDN theo Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ.

Thuế Tài nguyên: Công ty nộp thuế Tài nguyên với thuế suất là 3%.

Các loại thuế khác: Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Bảng 22 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: đồng

Năm	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.866.528.051	2.096.500.695	2.634.698.791
2. Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	85.093.000	767.048.940	101.775.467
3. Thuế TNDN	333.265.921	1.056.347.493	2.472.940.103
4. Thuế thu nhập các nhân	150.789.075	151.989.960	157.779.300
5. Thuế tài nguyên	29.320.196	174.702.623	200.226.748
6. Thuế nhà đất, tiền thuê đất	30.000.000	30.000.000	30.000.000
7. Các loại thuế khác	22.120.166	24.123.096	55.632.036
8. Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	18.226.500	59.195.402	111.985.748
Tổng cộng	2.535.324.909	4.359.908.209	5.765.038.193

Nguồn Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009 và 2010

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty theo quyết định của Đại hội cổ đông thường niên.

Bảng 23 - Số dư các quỹ

Đơn vị tính: đồng

Năm	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
1. Quỹ đầu tư phát triển	1.121.445.776	4.380.404.747	928.012.882
2. Quỹ dự phòng tài chính	1.630.585.411	2.589.053.578	2.996.504.871
Tổng cộng	2.752.031.187	6.969.458.325	3.924.517.753

Nguồn: Báo cáo kiểm toán hợp nhất năm 2008, 2009, 2010

❖ **Tình hình nợ phải trả của Công ty**

Bảng 24 – Bảng tổng hợp nợ phải trả của Công ty Cổ phần Phú Tài

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
I. Nợ ngắn hạn	391.702.510.387	335.685.572.128	459.708.989.383
1. Vay và nợ ngắn hạn	281.360.130.139	252.578.532.761	323.437.228.962
2. Phải trả người bán	81.893.696.199	46.463.389.869	54.069.453.537
3. Người mua trả tiền trước	6.416.049.063	7.967.778.305	8.257.254.635
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	2.535.342.909	4.359.908.209	5.765.038.193
5. Phải trả người lao động	9.410.558.723	16.594.477.640	30.740.877.102
7. Chi phí phải trả	3.286.960.196	3.269.787.520	7.040.254.219
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.965.791.255	2.219.942.919	3.821.274.973
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.833.981.903	2.231.754.905	2.232.710.897
II. Nợ dài hạn	54.974.098.131	40.051.030.161	24.344.896.865
1. Vay và nợ dài hạn	54.841.975.694	39.771.336.956	23.998.282.774
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	132.122.437	256.403.866	346.614.091
3. Doanh thu chưa thực hiện	0	23.289.789	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010

❖ **Tổng dư nợ vay của Công ty**

Bảng 25 – Tổng dư nợ vay ngân hàng

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
I. Vay nợ ngắn hạn	281.360.130.139	252.578.532.761	323.437.228.962
1. Vay ngắn hạn (VND)	184.533.484.139	186.552.135.514	204.201.199.336
NH Đầu tư và Phát triển Phú Tài	58.450.542.310	40.532.219.226	56.732.910.769
NH NN&PTNT Quy Nhơn	45.280.107.412	18.450.623.033	45.308.709.823

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
NH Ngoại thương CN Phú Tài	4.075.000.000	22.076.482.284	12.937.709.814
NH TMCP Quân đội CN Bình Định	56.727.834.417	77.144.125.971	87.548.696.766
NH Phát triển CN Bình Định	20.000.000.000	3.428.685.000	0
NH TMCP Đông Á Bình Định	0	20.690.000.000	0
Ngân hàng Kỹ thương CN Bình Định	0	4.230.000.000	0
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Quy Nhơn	0	0	1.673.172.164
2.Vay ngắn hạn (USD)	61.163.004.287	41.602.102.657	98.511.467.201
NH Đầu tư và Phát triển Phú Tài	14.068.971.981	20.827.540.587	37.180.464.684
NH NN&PTNT Quy Nhơn	16.185.790.311	13.092.186.041	7.542.483.431
NH Ngoại thương CN Phú Tài	13.827.189.962	7.409.870.180	27.822.183.220
NH TMCP Quân đội CN Bình Định	17.081.052.033	272.505.849	2.121.625.371
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN – Quy Nhơn	0	0	23.844.71.495
3.Công ty CP Vật liệu xây dựng Phú Yên	4.801.000.000	4.300.460.005	4.158.931.172
4.Vay đối tượng khác	11.935.765.877	3.199.877.077	1.135.616.677
5.Nợ dài hạn đến hạn trả	18.926.875.836	16.923.957.508	15.430.014.576
II. Nợ dài hạn	46.818.049.045	35.310.410.307	23.998.282.774
1. Vay dài hạn VND	43.746.506.541	32.360.422.809	17.004.949.497
Ngân hàng ĐT & PT Phú Tài	18.036.267.136	13.271.533.404	3.839.528.664
Ngân hàng NN & PTNNT Quy Nhơn	213.000.000	0	0
Ngân hàng TMCP Quân đội, CN Bình Định	22.417.010.833	17.596.210.833	12.775.410.833
Ngân hàng ĐT&PT Phú Yên	232.600.000	232.600.000	232.600.000
Ngân hàng công thương Việt Nam CN Phú Yên	2.847.628.572	1.260.078.572	157.410.000

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
2. Vay dài hạn ngoại tệ	3.071.542.504	2.949.987.498	2.176.406.628
Ngân hàng ĐT &PT Phú Tài		390.600.687	200.137.745
NH TMCP Quân đội CN Bình Định	3.071.542.504	2.559.386.811	1.976.268.883
3. Vay đối tượng khác	8.023.926.649	4.460.926.649	4.816.926.649

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010

❖ Tình hình nợ phải thu

Bảng 26 – Bảng tổng hợp nợ phải thu của Công ty Cổ phần Phú Tài

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	31/12/2010
1. Phải thu của khách hàng	130.805.370.929	118.093.599.564	239.827.060.403
2. Trả trước cho người bán	15.606.084.136	13.488.462.317	13.008.449.709
3. Các khoản phải thu khác	1.059.014.563	1.116.964.804	1.431.699.553
4. Dự phòng nợ phải thu	0	0	- 109.327.500
Tổng cộng	147.470.469.628	132.699.026.685	254.157.882.165

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010

11.2 Một số chỉ số tài chính cơ bản

Bảng 27 – Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2008	2009	2010
1	Vốn điều lệ	1000 đồng	59.999.400	59.999.400	85.997.600
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,94	0,91	0,98
	Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,45	0,50	0,72

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2008	2009	2010
3	Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
	Hệ số nợ/Tổng tài sản (%)	%	81,01	76,44	76,23
	Hệ số nợ/Vốn Chủ sở hữu (%)	%	480,69	352,70	336,00
4	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	7,03	7,60	11,79
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,95	2,79	2,74
5	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	1,65	1,22	2,37
	Tỷ suất LNST/ VCSH	%	18,80	15,65	28,54
	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản	%	3,20	3,41	6,47
	Tỷ suất LN từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	1,87	1,37	2,96

Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2008, 2009 và 2010

- Chỉ tiêu về khả năng thanh toán nợ ngắn hạn, thanh toán nhanh của Công ty trong giai đoạn 2008 – 2010 đều duy trì ở mức ổn định. Đối với chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn thì luôn duy trì ở mức 0,9 lần – 1 lần. Đối với chỉ tiêu thanh toán nhanh thì luôn xoay quanh ở mức 0,5 lần, chỉ tiêu này được cải thiện hơn trong năm 2010 đạt ở mức 0,7 lần. Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh đồ gỗ, đá, nhu cầu về nguyên liệu tồn kho là rất lớn để đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty do đó nhu cầu về nguồn vốn vay ngắn hạn tăng cao. Vì vậy, Công ty luôn có kế hoạch dự toán sử dụng vốn vay có hiệu quả, đúng mục đích và luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tín dụng đối với các ngân hàng, kiên quyết không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn ảnh hưởng đến uy tín của Công ty. Vì vậy, Các ngân hàng luôn duy trì hạn mức tín dụng cao đối với Công ty. Nhìn chung hệ số thanh toán của Công ty Phú Tài là tương đối an toàn.

- Đối với nhóm chỉ tiêu cơ cấu vốn chi số Hệ số Nợ /Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu luôn ở mức cao trong giai đoạn 2008 –2010, do đặc điểm của ngành gỗ, ngành khai thác đá và kinh doanh ô tô luôn cần phải có nguồn vốn vay lớn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong tình hình thị trường tiền tệ có những yếu tố bất lợi, Công ty luôn thường xuyên tính toán cân đối giữa thu nhập tạo ra từ các hoạt động kinh doanh và nguồn chi trả nợ vay và lãi vay cho ngân hàng. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện thực hiện đẩy mạnh công tác tiêu thụ hàng hoá song song với công tác thu hồi công nợ từ các khách hàng.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động Công ty rất ổn định, doanh thu thuần của Công ty Phú Tài qua các năm 2008 và 2010 bình quân đạt khoảng 1.358 tỷ đồng nếu so với tổng tài sản của Công ty khoảng 600 tỷ thì chỉ tiêu Doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2008, 2009 và năm 2010 luôn đạt ở mức cao là 1,9 lần đến 2,7 lần. Ngoài ra nhóm chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty luôn được cải thiện qua các năm, năm sau cao hơn năm trước, mặc dù chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Có thể thấy rằng hoạt động hoạt sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được duy trì với tốc độ ổn định.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2009 nhìn chung thấp hơn so với năm 2008 do ảnh hưởng việc tăng giá của các nguyên liệu đầu vào và tác động của yếu tố tỷ giá hối đoái. Tuy nhiên nhóm chỉ tiêu khả năng sinh lời tăng rất cao trong năm 2010 do lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh sản phẩm đá, xe Toyota và đặc biệt là ngành gỗ đều tăng so với với năm 2009 góp phần gia tăng vào lợi nhuận sau thuế của Công ty.

12 Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

❖ Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
Ông Lê Vỹ	Chủ tịch HĐQT	1958
Ông Trần Thanh Cung	Thành viên HĐQT	1957
Ông Phan Quốc Hoài	Thành viên	1967
Ông Lê Văn Thảo	Thành viên	1971
Ông Nguyễn Sỹ Hòe	Thành viên	1970

Ông Lê Văn Lộc	Thành viên	1973
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên	1979

❖ **Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
Ông Đậu Văn Tâm	Trưởng ban	1955
Ông Trương Huy Danh	Thành viên	1955
Bà Đặng Thị Tú Oanh	Thành viên	1979

❖ **Ban giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
Ông Lê Vỹ	Tổng Giám đốc	1958
Ông Trần Thanh Cung	P. Tổng Giám đốc	1957
Ông Phan Quốc Hoài	P. Tổng Giám đốc	1967
Ông Lê Văn Thảo	P. Tổng Giám đốc	1971

❖ **Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh
Ông Đoàn Minh Sơn	Kế toán trưởng	1971

12.2 Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng

❖ **Hội đồng quản trị**

Ông: LÊ VỸ			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Nghi Văn – Nghi Lộc – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	20/12/1958	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghi Văn – Nghi Lộc – Nghệ An	Quốc tịch	Việt Nam

Số CMND	215259306, ngày cấp 16/10/2008, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	đường Nguyễn Lữ – Tp. Quy Nhơn- tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 2/1975 – 8/1979: Công tác tại E166, E167 – Quân khu 4. - Từ tháng 9/1977 – 4/1984: Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội. - Từ tháng 5/1984: Trợ lý kế hoạch XN 378, Giám đốc XN 230, Giám đốc Công ty Thắng Lợi - Quân khu 5. - Từ tháng 4/2000 đến nay: Phó giám đốc, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Phú Tài. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	+ Phó chủ tịch Hiệp hội gỗ Bình Định + Quân hàm trong quân đội: Đại tá		
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	691.895 cổ phần		
+ Số cổ phần đại phần Vốn nhà nước (Bộ Quốc Phòng)	659.190 cổ phần		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan			
Vợ: Bà Võ Thị Hoài Châu	215.337 cổ phần		
Em ruột: Ông Lê Văn Lộc	489.877 cổ phần		
Bộ Quốc Phòng	1.196.690 cổ phần		

Ông: **TRẦN THANH CUNG**

Giới tính	Nam	Nơi sinh	Tỉnh Sơn – Sơn Tĩnh – Quảng Ngãi
Ngày tháng năm sinh	02/05/1957	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tỉnh Sơn – Sơn Tĩnh – Quảng Ngãi	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	215182830, ngày cấp 08/03/2007, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	262A Nguyễn Thái Học –Tp. Quy Nhơn- tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung cấp lý luận chính trị		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/1976: nhập ngũ, sau đó được cử đi học lớp lý luận chính trị - Từ tháng 01/1982 – 3/2000: Đại đội trưởng, Tiểu đoàn phó, Phó giám đốc XN 230, Phó giám đốc Công ty Thắng Lợi. - Từ tháng 4/2000 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phú Tài. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT-Phó Tổng Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Quân hàm trong Quân đội: Đại tá		
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	366.815 cổ phần		
+ Số cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước (Bộ Quốc Phòng)	268.750 cổ phần		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan			
Vợ: Bà Văn Thị Vinh	26.552 cổ phần		

Bộ Quốc Phòng	1.196.690 cổ phần
---------------	-------------------

Ông: PHAN QUỐC HOÀI			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Phố 10, Phan Đình Phùng – Thái Nguyên
Ngày tháng năm sinh	17/05/1967	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hương Thái - Hương Trà - Thừa Thiên Huế	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	88018306, ngày cấp 15/11/2009, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	Phường Trần Quang Diệu – Tp.Quy Nhơn – tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Đã qua đào tạo: Trường sỹ quan tài chính, Đại học kinh tế Đà Nẵng - Từ tháng 8/1988 – 12/2004: Kế toán trưởng XN 380, kế toán trưởng Công ty cổ phần Phú Tài - Quận khu 5 - Từ tháng 01/2005 đến nay : Phó tổng giám đốc. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Quân hàm trong Quân đội: Thượng tá		
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	149.827 cổ phần		
+ Số cổ phần đại phần vốn Nhà nước (Bộ Quốc Phòng)	268.750 cổ phần		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Bộ Quốc Phòng	1.196.690 cổ phần

Ông: LÊ VĂN THẢO			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Diêu Trì – Tuy Phước – Bình Định
Ngày tháng năm sinh	10/10/1971	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Diêu Trì – Tuy Phước – Bình Định	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	211349920 ngày cấp 29/03/2005, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	Diêu Trì – Tuy Phước – Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 841301	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 9/1989 – 7/1994: Tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng - Từ tháng 8/1994 – 12/2004: Trợ lý kế hoạch, Phó giám đốc XN 380 - Từ tháng 01/2005 đến nay: Giám đốc Xí nghiệp 380, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Phú Tài 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Cty CP VLXD Phú Yên		
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	462.159 cổ phần		
+ Số cổ phần đại diện	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		

Các khoản nợ đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Em ruột: Ông Lê Văn Luận	2.472 cổ phần

Ông: NGUYỄN SỸ HOÈ			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Diễn Hải – Diễn Châu – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	02/09/1970	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Diễn Hải – Diễn Châu – Nghệ An	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	15A981047573, ngày cấp 01/10/2003, cấp tại Quận khu 5		
Địa chỉ thường trú	Phường Trần Quang Diệu – Tp.Quy Nhơn – tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847886	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/1988 – 6/1993: Tốt nghiệp Trường Đại học lâm nghiệp. - Từ tháng 7/1993 – 8/2002: Phó quản đốc, Quản đốc phân xưởng, Phó giám đốc XN Thắng Lợi. - Từ tháng 9/2002 đến nay: Giám đốc XN Thắng Lợi – Công ty cổ phần Phú Tài. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT – Giám đốc Xí nghiệp Thắng Lợi		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	358.699 cổ phần		
+ Số cổ phần đại diện	Không		

Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan Vợ: Bà Bùi Thị Kim Yến	5.697 cổ phần		
Ông: LÊ VĂN LỘC			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Nghi Văn – Nghi Lộc – Nghệ An
Ngày tháng năm sinh	29/12/1973	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nghi Văn – Nghi Lộc – Nghệ An	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	0245452361, ngày cấp 25/07/2006, TP.HCM		
Địa chỉ thường trú	Phòng B3 lầu 8 cao ốc Bình Định 2/2 Lý Thường Kiệt – P 15 – Q.11 – TP.HCM.		
Điện thoại cơ quan	(0613) 512837	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 1/1996 – 6/1996: Nhân viên kế hoạch xí nghiệp 230, Cục Hậu cần QK5. - Từ tháng 7/1996 – 8/2002: Trợ lý kế hoạch xí nghiệp Thắng Lợi, Cty Phú Tài. - Từ tháng 9/2002 – 9/2004: Phó giám đốc chi nhánh TPHCM – Cty Phú Tài. - Từ tháng 10/2000 đến nay: Giám đốc chi nhánh Đồng Nai – Cty CP Phú Tài. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT – Giám đốc chi nhánh Đồng Nai		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Ủy viên HĐQT Cty TNHH gỗ Hạnh Phúc		
Số cổ phần nắm giữ + Số cổ phần sở hữu cá nhân	489.877 cổ phần		

+ Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	
Vợ: Bà Nguyễn Thị Minh	74.746 cổ phần
Anh ruột: Ông Lê Vỹ	691.895 cổ phần

Ông: NGUYỄN ĐỨC THẮNG			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Hồng Phong, Chương Mỹ, Hà Nội
Ngày tháng năm sinh	18/12/1979	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hồng Phong, Chương Mỹ, Hà Nội	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	025110460, ngày cấp 12/03/2009, cấp tại tỉnh Bình Phước		
Địa chỉ thường trú	73 đường 23 – Tây Quy – Q7 – Tp HCM		
Điện thoại cơ quan	(083) 9102215	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/2001 đến nay: Cty CP chứng khoán Thăng Long– chi nhánh TPHCM. - Từ tháng 6/2006 đến nay: Thành viên HĐQT Cty CP thực phẩm Cholimex. - Từ tháng 6/2007 đến nay: Thành viên HĐQT Cty Cổ phần Chiếu xạ An Phú. - Từ tháng 3/2008 đến nay: Thành viên HĐQT Cty CP cao su Phước Hòa. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Ủy viên HĐQT		

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none"> - Phó giám đốc Công ty CP CK Thăng Long CN Tp. HCM. - Thành viên HĐQT Cty Cổ phần Chiếu xạ An Phú. - Thành viên HĐQT Cty CP thực phẩm Cholimex. - Thành viên HĐQT Cty CP cao su Phước Hòa.
Số cổ phần nắm giữ	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	151.815 cổ phần
+ Số cổ phần đại diện	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không
Số cổ phần sở hữu của tổ chức có liên quan	Công ty CP Chứng khoán Thăng Long sở hữu: 279.852 cổ phần

❖ **Ban kiểm soát**

Ông: ĐẬU VĂN TÂM			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Kỳ Trinh – Kỳ Anh – Hà Tĩnh
Ngày tháng năm sinh	20/12/1955	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Kỳ Trinh – Kỳ Anh – Hà Tĩnh	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	215281117, ngày cấp 07/03/2009, cấp tại Bình Định		
Địa chỉ thường trú	Phường Nguyễn Văn Cừ - Tp. Quy Nhơn – tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn	12/12

		hóa	
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Tháng 6/1974: nhập ngũ - Tháng 9/1978 –10/1983: tốt nghiệp Đại học Bách khoa Đà Nẵng - Tháng 11/1983 – 12/2004: Trợ lý Cục kinh tế, Trưởng ban kế hoạch nông trường 72, Trưởng phòng kế hoạch, Phó giám đốc Công ty cổ phần Phú Tài - Quân khu 5 - Từ tháng 01/2005 đến nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Phú Tài 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng ban kiểm soát		
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không		
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân	11.469 cổ phần		
+ Số cổ phần đại diện	Không		
Hành vi vi phạm pháp luật	Không		
Các khoản nợ đối với công ty	Không		
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.	Không		
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan	Không		
Ông: TRƯỜNG HUY DANH			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Thạch Trung – Hà Tĩnh
Ngày tháng năm sinh	02/05/1955	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thạch Trung – Hà Tĩnh	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	15A720147574, ngày cấp 01/01/2003, cấp tại Quân khu 5		
Địa chỉ thường trú	Phường Ghềnh Ráng – Tp. Quy Nhơn – tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn	12/12

		hóa	
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 10/1984 – 7/1987: Nhân viên XN 387, nhân viên quản lý Cục kinh tế Quân khu 5. - Từ tháng 5/1988 – 9/1999: Kế toán đội Công ty Vạn Tường – Quân khu 5 - Từ tháng 10/1999 – 10/2004 : Kế toán XN Thắng Lợi – Công ty cổ phần Phú Tài QK 5 - Từ tháng 01/2005 – 30/06/2010: Trưởng phòng kế toán XN Thắng Lợi – Công ty cổ phần Phú Tài. - Từ 01/07/2010 – nay: Trưởng phòng kinh doanh XN Thắng Lợi – Công ty cổ phần Phú Tài 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Thành viên ban kiểm soát, Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp Thắng Lợi	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác		Không	
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân		91.965 cổ phần	
+ Số cổ phần đại diện		Không	
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Các khoản nợ đối với công ty		Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.		Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan			
Con ruột: Bà Trương Thị Mai Hương		2.229 cổ phần	

Bà: ĐẶNG THỊ TÚ OANH			
Giới tính	Nữ	Nơi sinh	Tp Quy Nhơn – tỉnh Bình Định
Ngày tháng năm sinh	23/10/1979	Dân tộc	Kinh

Quê quán	Tp Quy Nhơn – tỉnh Bình Định	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	211592226, ngày cấp 20/04/2008, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	Tổ 34 – KV 5 – P. Ghềnh Ráng – TP Quy Nhơn		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 7/2001 – 11/2001: Kế toán công ty TNHH Hùng Đại Dương. - Từ tháng 12/2001 - 11/07/2010: Nhân viên kế toán Công ty CP Phú Tài. - Từ 12/07/2010 – nay: Nhân viên kinh doanh Công ty CP Phú Tài 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Thành viên Ban Kiểm soát	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác		Không	
Số cổ phần nắm giữ		Không	
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân			
+ Số cổ phần đại diện			
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Các khoản nợ đối với công ty		Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.		Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan		Không	

❖ **Kế Toán trưởng**

Ông: ĐOÀN MINH SON			
Giới tính	Nam	Nơi sinh	Phường Bùi Thị Xuân- Quy Nhơn – Bình Định

Ngày tháng năm sinh	16/04/1971	Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú An – Phú Vang – Thừa Thiên Huế	Quốc tịch	Việt Nam
Số CMND	211242293, ngày cấp 10/05/2005, tỉnh Bình Định		
Địa chỉ thường trú	189 Tăng Bạt Hổ - Tp.Quy Nhơn – tỉnh Bình Định		
Điện thoại cơ quan	(0563) 847668	Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế		
Quá trình công tác <ul style="list-style-type: none"> - Từ tháng 1/2000 – 12/2004: Nhân Viên Kế Toán Công ty cổ phần Phú Tài. - Từ tháng 1/2005 – nay: Kế toán trong Công ty cổ phần Phú Tài. - Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phú Tài. 			
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty		Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phú Tài	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác		Không	
Số cổ phần nắm giữ			
+ Số cổ phần sở hữu cá nhân		53.973 cổ phần	
+ Số cổ phần đại diện		Không	
Hành vi vi phạm pháp luật		Không	
Các khoản nợ đối với công ty		Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.		Không	
Số cổ phần sở hữu của người có liên quan		Không	

13 Tình hình tài sản của Công ty Cổ phần Phú Tài

Bảng 28 - Tình hình tài sản của Công ty Phú Tài

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Khoản mục	31/12/2009			31/12/2010		
		Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% GTCL/ NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	% GTC L/NG
I	Tài sản cố định hữu hình	276.826.690	152.984.671	55,26	288.424.011	140.027.634	48,55
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	124.840.630	89.934.827	72,04	126.013.898	82.799.052	65,70
2	Máy móc thiết bị	118.660.801	45.187.868	38,08	128.812.945	43.802.162	34,00
3	Phương tiện vận tải	29.910.886	17.244.529	57,65	30.201.036	13.097.078	43,36
4	Thiết bị văn phòng	3.334.886	617.447	18,51	3.316.644	329.341	9,93
5	Tài sản cố định khác	79.485	0	0,00	79.485	0	0,00
II	Tài sản cố định vô hình	4.655.497	4.312.745	92,64	5.882.139	5.221.630	88,77
1	Quyền sử dụng đất	4.655.497	4.312.745	92,64	5.882.139	5.221.630	88,77
	Cộng	281.482.187	157.297.416	55,88	294.306.150	145.249.264	49,35

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2009 và 2010

13.1 Tình hình tài sản đất đai và một số tài sản chính của Công ty:

Đến thời điểm hiện tại, tình quản lý và sử dụng đất đai của Phú Tài như sau

Bảng 29- Tình hình quản lý, sử dụng đất đai và các tài sản trên đất của Phú Tài

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng/tài sản trên đất	Hình thức sử dụng	Thời gian sử dụng
1	Quốc lộ 1 A, Khu vực 5, phường Trần Quang Diệu, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	80.564	Nhà máy chế biến đá 380, công suất 330.000 m ³ /năm	Thuê đất	50
2	69 đường Duy Tân, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng	537,4	Văn phòng đại diện của Công ty Phú Tài, Cửa hàng bán đá	Thuê đất	50

STT	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng/tài sản trên đất	Hình thức sử dụng	Thời gian sử dụng
3	71 đường Duy Tân, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng	10.863,6	Sản xuất đồ gỗ, phân xưởng suất đồ gỗ XN Thăng Lợi	Thuê đất	50
4	151-153 đường Lê Đình Lý, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng	3.852	Showroom, xưởng sửa chữa xe Toyota Đà Nẵng, công suất 1.200 chiếc/năm, sửa chữa 17.000 lượt xe/năm	Thuê đất	50
5	Đường Nguyễn Thị Định, Phường Nguyễn Văn Cừ, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	32.958	Sản xuất đồ gỗ, phân xưởng suất đồ gỗ XN Thăng Lợi	Thuê đất	50
6	Đường Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	8.575	1. Văn phòng Công ty 2. Showroom kinh doanh, sửa chữa xe Toyota tại Quy Nhơn, công suất 500 chiếc/năm, sửa chữa 10.000 lượt xe/năm	Thuê đất	50
7	Đường Nguyễn Thị Định, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	1.115	Văn phòng XN Thăng Lợi	Thuê đất	50
8	14E, đường Phan Văn Trị, phường 7, Tp. Hồ Chí Minh	1.000 m2	Chi nhánh Công ty	Thuê đất	50
9	Xã Phước Thành, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định	63.502	Sản xuất đồ gỗ, phân xưởng suất đồ gỗ XN Thăng Lợi, công suất 10.000 m3/năm	Thuê đất	50
10	Thôn Ninh Lâm, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa	50.000	Nhà máy chế biến đá Granite tại tỉnh Khánh Hoà, công suất 220.000 m2/năm	Thuê đất	11
11	Thôn 13, xã Đắc Wer, huyện Đắc R' lăp, tỉnh Đắc Nông	27.078	Nhà máy chế biến đá Bazal, Granite tại tỉnh ĐắcNong, công suất 250.000 m2/năm	Thuê đất	50
12	Thôn Chánh Nhơn, xã Cát Nhơn, huyện Phú Cát, tỉnh Bình Định	37.000	Mỏ khai thác	Thuê đất	03
14	xã Nhơn Hòa, huyện	120.000	Nhà máy SX vật liệu xây	Thuê đất	12

STT	Địa chỉ	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng/tài sản trên đất	Hình thức sử dụng	Thời gian sử dụng
	An Nhơn, tỉnh Bình Định		dụng Nhơn Hoà, công suất 150.000 m3/năm		
15	KCN Tam Phước - xã Tam Phước - huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai	20.000	Nhà máy sản xuất gỗ Đồng Nai 7.000 m3/năm	Thuê đất	50

Nguồn: Công ty cổ phần Phú Tài

14 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong giai đoạn 2011 - 2013

Bảng 30 - Kế hoạch kinh doanh năm 2011 – 2013 của Công ty Phú Tài

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	% tăng giảm	Giá trị	% tăng giảm	Giá trị	% tăng giảm
DT thuần	1.640.000	- 0,58	1.771.200	8,00	1.859.760	5,00
LN sau thuế	39.094	0,12	41.530	6,23	42.645	5,70
Tỉ lệ LNST/DTT (%)	2,38	0,49	2,34	-1,68	2,29	-2,13
Tỉ lệ LNST/VĐL (%)	32,57	-28,26	34,60	6,23	35,53	2,68
Cổ tức/mệnh giá (%)	20	11,11	20	0	20	0
Vốn điều lệ	120.009	39,55	120.009	0	120.009	0

Nguồn Công ty cổ phần Phú Tài

❖ Căn cứ để lập kế hoạch

Năm 2009, Công ty đã đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng các dự án trọng điểm của Công ty bao gồm:

- Nhà máy đá Đắc Nông (thuộc xí nghiệp 380), công suất 250.000 m2/năm.
- Nhà máy đá Khánh Hòa (thuộc xí nghiệp 380), công suất 220.000 m2/năm.
- Nhà máy gỗ Phước Thành (thuộc xí nghiệp Thắng Lợi), công suất 9.000 m3/năm.
- Cơ sở kinh doanh Toyota Quy Nhơn (thuộc XN Toyota Đà Nẵng, công suất tiêu thụ xe Toyota là 500 chiếc/năm, công suất sửa chữa 10.000 lượt xe/năm).

Với việc đưa vào khai thác các dự án mới hoàn thành, kết hợp với các nhà máy và cơ sở đã có sẵn, năng lực sản xuất của Công ty được nâng cao đáp ứng được nhu cầu phát triển trong thời gian sắp tới. Năng lực sản xuất kinh doanh của từng ngành nghề như sau:

- Ngành sản xuất đá ốp lát có công suất 800.000m²/năm.
- Ngành sản xuất đồ gỗ có công suất 17.000 m³/năm.
- Ngành kinh doanh dịch vụ sửa chữa xe có công suất 27.000 lượt xe/năm, khả năng tiêu thụ 1.500 chiếc năm.

Năm 2010 các nhà máy đã phát huy tốt công suất thiết kế, đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong và ngoài nước. Đầu năm 2011, Công ty đã có nhiều hợp đồng, đơn hàng đối với sản phẩm đồ gỗ và đá tương đối lớn. Đối với năm 2011, Ban lãnh đạo Công ty đưa ra kế hoạch lợi nhuận sau thuế tương đương so với năm 2010, do cuối năm 2010 tình hình kinh tế vẫn còn diễn biến phức tạp, cụ thể là áp lực lạm phát, biến động lãi suất và tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế nói chung và đối với Công ty CP Phú Tài nói riêng. Tuy nhiên dựa trên cơ sở thận trọng, Ban lãnh đạo Công ty vẫn đề ra kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2011 tương đương với năm 2010, điều này thể hiện sự quyết tâm và trách nhiệm của toàn thể Cán bộ công nhân Công ty đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Phú Tài.

Bên cạnh đó, theo dự báo, tốc độ đô thị hoá bình quân ở Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2010 khoảng từ 30% đến 50%. Do đó, nhu cầu nhà ở, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại cũng tăng tương ứng để đáp ứng tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và tốc độ đô thị hoá. Điều này có tác động rất tích cực đối với ngành sản xuất nguyên vật liệu xây dựng nói chung và ngành sản xuất đá ốp lát của Công ty Phú Tài nói riêng.

Ngoài ra, mặc dù chưa hoàn toàn thoát khỏi ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế, xuất khẩu của sản phẩm gỗ Việt Nam năm 2010 đạt 3,402 tỷ USD, tăng 38,4% so với cùng kỳ năm 2009 so với cùng kỳ năm ngoái. Dự kiến năm 2011, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam khoảng 4 tỷ USD (Theo hiệp hội ngành Gỗ và lâm sản Việt Nam – Viforest).

Ngoài ra, ngành ô tô tuy chịu ảnh hưởng nhiều từ tác động của nền kinh tế thế giới nhưng thị phần của xe Toyota luôn đứng đầu tại thị trường Việt Nam và đạt mức tăng trưởng bền vững:

- Về doanh số bán hàng: 31.135 xe đã được tiêu thụ, chiếm gần 28% tổng thị phần, tăng 1.029 xe so với năm 2009, đạt doanh số bán tích lũy gần 177.000 xe.

- Về dịch vụ: Gần 619.000 lượt xe vào làm dịch vụ tại các trạm dịch vụ của Toyota, tăng 19% so với năm 2009
- Về xuất khẩu: Kim ngạch xuất khẩu của Toyota Việt Nam đạt gần 30 triệu USD, nâng tổng giá trị xuất khẩu tích lũy sau hơn 5 năm lên tới trên 140 triệu USD.

Với vai trò là đối tác chính phân phối xe ô tô cho hãng Toyota tại khu vực Quy Nhơn và Đà Nẵng, Phú Tài rất có lợi thế khai thác thương hiệu cũng như tiềm năng kinh doanh xe Toyota.

❖ Các biện pháp để thực hiện kế hoạch trên

Hoàn thiện và xây dựng các tiêu chuẩn tuyển dụng và đào tạo nhân sự nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty. Giải quyết hài hòa lợi ích của cổ đông, lợi ích người lao động và lợi ích của Công ty. Xây dựng chính sách phù hợp để cổ đông và người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

Thực hiện tốt công tác đầu tư cơ sở hạ tầng nhà xưởng máy móc, trang thiết bị mang tính chất đồng bộ, hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của Công ty.

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, xây dựng quảng bá thương hiệu, phát triển thị trường cho các sản phẩm đồ gỗ, đá, xe Toyota và các hoạt động thương mại, dịch vụ của Công ty.

Đối với sản phẩm đồ gỗ, Công ty sẽ đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu thiết kế sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Khai thác nguồn cung ứng nguyên liệu ổn định cho công tác sản xuất, đáp ứng yêu cầu của thị trường về nguồn gốc gỗ được quy định bởi Luật Lacey của Hoa Kỳ và Luật Flegit của Châu Âu.

Đối với lĩnh vực sản xuất đá Granite, Công ty sẽ kết hợp giữa nguyên liệu nhập khẩu và nguyên liệu nội địa để nâng cao tính đa dạng phong phú của các chủng loại sản phẩm theo yêu cầu của thị trường, khai thác tốt hệ thống các mỏ đá hiện có đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho sản xuất.

❖ Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua:

Không có

15 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Chứng khoán Thăng Long đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần

thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng của các ngành xây dựng, chế biến gỗ, cũng như tốc độ đô thị hóa trong cả nước, chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu cho các ngành nghề đang có của Công ty hiện nay vẫn được duy trì cao. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có thể duy trì tốt trong những năm tới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 3 năm 2011 – 2013 là có tính khả thi và như vậy thì Công ty sẽ đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin do Công ty Cổ phần Phú Tài cung cấp và các thông tin có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Căn cứ vào Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 03 năm 2011, Công ty cổ phần Phú Tài sẽ phát hành thêm 3.401.205 cổ phiếu để bổ sung nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (Tăng vốn từ 85.997.600.000 đồng lên 120.009.650.000 đồng) Thời gian dự kiến thực hiện phát hành vào quý 3/2011.

Cơ cấu phát hành như sau:

Bảng 31 - Kế hoạch dự kiến phát hành năm 2011 của Công ty Phú Tài

STT	Nội dung	Số cổ phần (cổ phần)	Nguồn phát hành
1	Phát hành cho cán bộ công nhân viên	429.988	Phát hành cho cán bộ công nhân viên là người lao động trong công tác quản lý từ cấp giám đốc trở xuống đến cấp quản đốc sản xuất giá 10.000 đồng

STT	Nội dung	Số cổ phần (cổ phần)	Nguồn phát hành
2	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10%	859.976	Nguồn thực hiện từ Lợi nhuận sau thuế năm 2010
3	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:0,2455	2.111.241	Nguồn thực hiện từ Lợi nhuận sau thuế năm 2010 và Thặng dư vốn cổ phần.
	Tổng cộng	3.401.205	

Nguồn: Công ty cổ phần Phú Tài

17 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng trong thời gian từ khi kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2010 đến thời điểm lập Bản cáo bạch không có sự kiện nào liên quan đến tranh chấp kiện tụng làm ảnh hưởng đáng kể tới những thông tin đã được trình bày trên Bản cáo bạch này.

18 Giải trình một số vấn đề trên báo cáo tài chính kiểm toán 2010

18.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

18.1.1 Nợ phải thu của khách hàng:

Nợ phải thu của khách hàng đến ngày 31/12/2010 là 239.827.060.403 đồng, tăng 103% so với số đầu năm. Khoản nợ phải thu của khách hàng tăng cao là do trong quý IV/2010, Công ty đã triển khai thực hiện một số hợp đồng kinh doanh thương mại gỗ nguyên liệu có giá trị cao, hạn thanh toán rơi vào quý I/2011. Đây là số dư nợ mang tính thời điểm, bao gồm các khoản nợ có tính chất bình thường, không đủ điều kiện để xếp loại vào nợ khó đòi. Các khoản nợ này không liên quan đến các thành viên chủ chốt hoặc các công ty do các thành viên chủ chốt làm chủ.

Đối với nợ phải thu có tính chất khó đòi, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ, BCTC hợp nhất của Công ty đã thể hiện khoản trích lập dự phòng là 109.327.500 đồng.

18.1.2 Đầu tư vào công ty liên kết:

Theo chuẩn mực kế toán số 07 có nêu:

Trong BCTC hợp nhất của nhà đầu tư, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, trừ khi:

- a. Khoản đầu tư dự kiến sẽ được thanh lý trong tương lai gần (dưới 12 tháng); hoặc
- b. Công ty liên kết hoạt động theo các quy định hạn chế khắt khe dài hạn làm cản trở đáng kể việc chuyển giao vốn cho nhà đầu tư.

Tuy nhiên trên thực tế thực hiện BCTC hợp nhất, Công ty Phú Tài gặp phải hạn chế về mặt thông tin nhận được từ phía Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc, giá trị lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết ảnh hưởng đến BCTC hợp nhất là không lớn nên không ảnh hưởng đến tính trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm lập BCTC tài chính. Vì vậy, trong BCTC hợp nhất Công ty thực hiện kế toán khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp giá gốc. Công ty kiểm toán AASC cũng đồng thuận với Phú Tài về vấn đề trên. Cụ thể vấn đề trên được giải trình như sau:

Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết – Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc (tỷ lệ sở hữu là 20%), do đến thời điểm lập BCTC hợp nhất Công ty vẫn chưa nhận được BCTC năm 2010 của công ty liên kết để phục vụ cho việc hợp nhất BCTC, do vậy khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trên BCTC hợp nhất theo phương pháp giá gốc như đã trình bày trong Thuyết minh BCTC. Đến thời điểm này, Công ty cũng chưa nhận được BCTC năm 2010 chính thức của Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc. Căn cứ vào bản fax Bảng cân đối kế toán và Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2010 nhận được từ Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc, Công ty tạm xác định lợi ích được hưởng từ hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc như sau:

- Khoản đầu tư được mua từ 07/11/2009. Tuy nhiên Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc không lập BCTC tại thời điểm mua nên Công ty không xác định được lợi thế thương mại tại thời điểm mua.
- Ảnh hưởng đến Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty:

Kết quả kinh doanh 2 tháng cuối năm 2009 của Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc ước tính theo tỷ lệ giữa số tháng sở hữu khoản đầu tư so với tổng số tháng trong năm là 1.314.150.439 đồng ($= 2/12 \times 7.884.902.636$) (*). Kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty TNHH Gỗ Hạnh Phúc là 4.173.541.945 đồng. Theo đó, lợi ích Công ty CP Phú Tài được hưởng trong kết quả kinh doanh như sau:

	Kết quả kinh doanh	Lợi ích được hưởng (20%)
Năm 2009	1.314.150.439	262.830.088
Năm 2010	4.173.541.945	834.708.389
Cộng		1.097.538.477

Theo đó, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2010 của Công ty CP Phú Tài đang phản ánh thiếu Lãi từ công ty liên kết là 834.708.389 đồng.

- Ảnh hưởng đến Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty CP Phú Tài tại ngày 31/12/2010:

+Từ kết quả kinh doanh năm 2009: 262.830.088 đồng

+Từ sự tăng lên của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2010 là 636.628.366 đồng

[= 20% x (10.590.057.089 – 7.406.915.743)] (**)

Như vậy, ảnh hưởng đối với chỉ tiêu LNST chưa phân phối trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (Mã 420) và chỉ tiêu Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh (Mã 252) tại ngày 31/12/2010 là 899.458.454 đồng (Bảng cân đối kế toán hợp nhất đang phản ánh thiếu một khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là 899.458.454 đồng).

Ghi chú

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2009 trên báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hạnh Phúc là: 7.884.902.636 đồng.

(**) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán năm 2010 của Công ty TNHH Hạnh Phúc là: 10.590.057.089 đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán năm 2009 của Công ty TNHH Hạnh Phúc là 7.406.915.743 đồng.

18.1.3 Giá trích dự phòng cổ phiếu MB:

Giá cổ phiếu làm cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) là giá tham khảo lấy từ Báo Đầu tư chứng khoán (số 01 (941) phát hành ngày 03/01/2011) thay vì tham khảo giá chứng khoán thực tế được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 về việc Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Theo ý kiến của kiểm toán thì cơ sở giá sử dụng để trích dự phòng cổ phiếu OTC nêu trên chưa phù hợp với quy định hiện hành nhưng do ảnh hưởng của vấn đề này đến BCTC của Công ty là không lớn nên Cơ quan kiểm toán yêu cầu đơn vị trình bày rõ nguồn thông tin cậy nhất cho việc sử dụng giá làm cơ sở trích dự phòng là giá tham khảo trên Báo Đầu tư chứng khoán (số 01 (941) phát hành ngày 03/01/2011) trong Thuyết minh BCTC.

Công ty cam kết sẽ thực hiện lại việc trích dự phòng khoản đầu tư tài chính ngắn hạn theo đúng quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC tại thời điểm lập báo cáo tài chính quý 1/2011. Vấn đề này sẽ được cơ quan kiểm toán cho ý kiến nhận định trong báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2011.

18.1.4 Khấu hao tài sản cố định:

Tại Mục 7 của thuyết minh BCTC có ghi “*Trong kỳ, Công ty đang trích khấu hao nhanh so với với phương pháp đường thẳng. Trong năm 2010, số khấu hao theo phương pháp đường thẳng là 1.006.102.602 đồng*”. Cụ thể như sau:

Công ty thực hiện khấu hao tài sản cố định theo quy định của chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam, Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Hàng năm, Công ty vẫn thực hiện đăng ký khấu hao theo phương pháp đường thẳng với cơ quan thuế và chấp hành khấu hao theo đúng chế độ quy định.

Hiện tại, Công ty thực hiện phương án trích khấu hao tài sản cố định theo đăng ký với cơ quan thuế (theo thuế) và phương án khấu hao theo kế toán. Hàng năm, phát sinh khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp giữa phương pháp trích khấu hao theo kế toán và phương pháp trích khấu hao theo thuế. Do những năm trước Công ty đã trích khấu hao theo kế toán (nhanh hơn theo thuế) nên đến thời điểm năm 2010 này, mức khấu hao theo kế toán thấp hơn mức khấu hao theo thuế là 1.006.102.602 đồng.

18.1.5 Tăng vốn khác của chủ sở hữu:

Theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông ngày 25/03/2010, Công ty thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2009 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế	16.450.464.559 đồng
- Trích quỹ dự phòng tài chính	625.137.933 đồng
- Trích quỹ đầu tư phát triển	390.543.807 đồng

- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	3.072.715.589 đồng
- Trả cổ tức cho cổ đông	10.799.892.000 đồng
Trong đó:	
+ Trả bằng tiền mặt (8%)	4.799.952.000 đồng
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu (10%)	5.999.940.000 đồng
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh	1.562.175.230 đồng.

Trong quá trình Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu thông qua hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu thì số cổ phiếu thực tế phát hành là 599.888 cổ phiếu, tương ứng với giá trị là 5.998.880.00 đồng. Vì vậy, sau đợt phát hành phát sinh ra cổ phiếu lẻ có giá trị tương ứng là 1.060.000 đồng. Về mặt lý thuyết, khoản chênh lệch còn lại từ việc trả cổ tức bằng cổ phiếu thuộc về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tuy nhiên do sơ suất Công ty hạch toán tăng khoản trên vào nguồn vốn khác của chủ sở hữu. Công ty cam kết sẽ hạch toán lại khoản chênh lệch trên vào lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm lập Báo cáo tài chính quý 1/2011.

18.1.6 Khoản vay các đối tượng khác (tại Công ty CP Phú Tài):

Theo trình bày tại Mục số 12 trong thuyết minh BCTC hợp nhất “Vay và nợ ngắn hạn” có khoản vay đối tượng khác của Công ty là 1.135.616.677 đồng bao gồm vay của các cá nhân sau:

- Lê Anh	90.000.000 đồng
- Nguyễn Thế Chiến	15.000.000 đồng
- Lê Chương	80.000.000 đồng
- Nguyễn Văn Nam	40.000.000 đồng
- Hoàng Hữu Đô	10.000.000 đồng
- Hồ Thị Ngọc Hiền	9.000.000 đồng
- Lê Văn Hường	75.000.000 đồng
- Nguyễn Đăng Khoa	11.616.677 đồng
- Nguyễn Văn Minh	295.000.000 đồng
- Nguyễn Quốc Minh	360.000.000 đồng
- Trần Văn Thuận	150.000.000 đồng
Tổng cộng	1.135.616.677 đồng

Các đối tượng trên không có liên quan đến các thành viên chủ chốt của Công ty.

18.1.7 Dự phòng và hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính:

Tại Mục 21 trong thuyết minh BCTC hợp nhất “Chi phí tài chính” có khoản dự phòng các khoản đầu tư tài chính: -1.424.337.800 đồng. Trong năm 2010, Công ty thực hiện việc trích thêm dự phòng khoản đầu tư ngắn hạn và hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư dài hạn, cụ thể tiết như sau:

- Trích lập dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn	1.047.636.800 đồng
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	<u>- 2.471.974.600 đồng</u>
	- 1.424.337.800 đồng

18.1.8 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Năm 2009, Công ty lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp; sang năm 2010, để thuận lợi hơn, Công ty lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp. Do đó, số liệu Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2009 cũng được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp nhằm đảm bảo tính có thể so sánh của BCTC. Trong quá trình đó, Công ty có điều chỉnh khoản tiền chi mua tài sản thuộc dòng tiền từ hoạt động kinh doanh sang dòng tiền từ hoạt động đầu tư. Do vậy, số liệu các dòng tiền trong năm 2009 có thay đổi theo sự điều chỉnh cho phù hợp hơn.

18.2 Báo cáo tài chính Công ty mẹ

Những vấn đề giải trình trên BCTC Công ty mẹ cũng tương tự như BCTC hợp nhất tại các điểm 18.1.1, 18.1.3, 18.1.4, 18.1.5, 18.1.6, 18.1.7, 18.1.8 của điểm 18.1 nêu trên.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá	10.000 đồng
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến niêm yết	8.599.760 cổ phần
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty	
	Không có

Bảng 32 – Cổ đông hạn chế chuyển nhượng của Công ty Phú Tài

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Số CP sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ
Hội đồng quản trị					

STT	Tên cổ đông	Số CMND/ ĐKKD	Số CP sở hữu	Số CP hạn chế chuyển nhượng	Thời hạn nắm giữ
1	Lê Vỹ	215259306	691.895	691.895	
2	Trần Thanh Cung	215182830	366.815	366.815	
3	Phan Quốc Hoài	215990175	149.827	149.827	
4	Nguyễn Sỹ Hoà	15A981047573	358.699	358.699	
5	Lê Văn Lộc	0245452361	489.877	489.877	
6	Lê Văn Thảo	211349920	462.159	462.159	
7	Nguyễn Đức Thắng	025110460	151.815	151.815	
Ban kiểm soát					
1	Đậu Văn Tâm	4K8E161223	11.469	11.469	
2	Trương Huy Danh	15A720147574	91.965	91.965	
3	Đặng Thị Tú Oanh	211592226	0	0	
Ban giám đốc					
1	Ông Lê Vỹ				
2	Ông Trần Thanh Cung				
3	Ông Phan Quốc Hoài				
4	Ông Lê Văn Thảo				
Kế toán trưởng					
1	Đoàn Minh Sơn	211242293	53.973	53.973	
Tổng cộng			2.828.494	2.828.494	

Theo quy định của Luật Chứng khoán, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu của mình trong vòng 06 tháng đầu tiên, 50% số cổ phiếu của mình trong vòng 06 tháng tiếp theo sau khi Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

5. Giá niêm yết dự kiến

Giá niêm yết dự kiến: 26.000 đồng/ cổ phần

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty cổ phần Phú Tài là giá được tính toán dựa trên các phương pháp chiết khấu dòng tiền và Giá cổ phiếu của Công ty theo giá trị sổ sách dự kiến tại thời điểm 31/12/2010.

a. Theo phương pháp chiết khấu dòng tiền

Phương pháp luận:

Sử dụng phương thức chiết khấu dòng tiền tự do 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2011 tới năm 2013 với kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư được công ty dự kiến cụ thể trong phần kế hoạch kinh doanh trình bày tại Bảng 32 và 33
- Giai đoạn 2: Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2011 - 2013 của Công ty và kế hoạch cân đối giữa dòng tiền được tạo ra từ hoạt động sản xuất kinh doanh và dòng tiền từ hoạt động đầu tư. Sau khi tính toán và cân nhắc một cách thận trọng dựa trên kế hoạch kinh doanh của công ty và tình hình quá khứ, chúng tôi giả định hệ số tăng trưởng dòng tiền sau năm 2013 là 4%.
- Công thức xác định dòng tiền tự do:

Dòng tiền thuần (Free cash flow) = Lợi nhuận sau thuế + Khấu hao tài sản cố định – Biến động dòng tiền của vốn lưu động + Biến động dòng tiền của nợ phải trả ngắn hạn – Biến động dòng tiền đối với hoạt động đầu tư TSCĐ.

- Hệ số chiết khấu **R** được tính theo mô hình

$$WACC = \frac{E}{V} * Re + \frac{D}{V} * Rd * (1 - Tc)$$

Trong đó E là vốn chủ sở hữu, D là tổng nợ, V = E+ D, hệ số E: D được xác định là 20,33% : 79,67%

Re: Chi phí vốn chủ sở hữu

Rd: Chi phí vốn vay

Tc: Thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng là 25%)

Hệ số chiết khấu sau khi được tính toán là 14,35%

- Tốc độ tăng trưởng dòng tiền sau năm 2013 là g = 4%

Bảng 33- Bảng tính toán dòng tiền thuần của Công ty Cổ phần Phú Tài trong giai đoạn
2011 – 2013

STT	Chỉ tiêu	2011	2012	2013
Dự kiến dòng tiền thuần				
1	Lợi nhuận sau thuế	39.094.071.409	41.530.548.125	42.645.040.275
2	Khấu hao TSCĐ	27.100.111.003	27.725.111.003	28.350.111.003
3	Thay đổi vốn lưu động	(20.689.206.994)	(38.229.898.709)	(13.230.067.849)
4	Thay đổi trong nợ phải trả ngắn hạn	(34.208.712.013)	(12.768.538.683)	(14.588.936.327)
5	Thay đổi trong đầu tư TSCĐ	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
6	Dòng tiền thuần (FCF) (6) = (1)+(2) -(3)+(4)-(5)	6.296.263.405	13.257.221.736	38.176.147.102

Công thức tính giá theo phương pháp chiết khấu dòng tiền

$$P_{2010} = \left\{ \frac{FCF_{2011}}{1+R} + \frac{FCF_{2012}}{(1+R)^2} + \frac{FCF_{2013}}{(1+R)^3} \right\} + \frac{P_{2013} (*)}{(1+R)^3}$$

$$(*) P_{2013} = \frac{FCF_{2013} (1+g)}{R - g}$$

Bảng 34 - Bảng tính giá cổ phiếu theo phương pháp chiết khấu dòng tiền

STT	Chỉ tiêu	Kết quả
1	Hệ số chiết khấu dòng tiền	14,35%
2	Tốc độ tăng trưởng dòng tiền sau 2013	4,00%

STT	Chỉ tiêu	Kết quả
3	Hiện giá dòng tiền 2011 – 2013 về cuối năm 2010 (A)	41.176.711.161
4	Hiện giá các khoản thu nhập sau năm 2013 (B)	256.552.693.213
5	Tiền và các khoản năm 2010	44.016.582.137
6	Giá trị Công ty = (3)+(4) +(5)	341.745.986.511
7	Vay nợ (dài hạn) cuối năm 2010	24.344.896.865
8	Giá trị nguồn vốn chủ sở hữu (6) – (7)	317.401.089.646
9	Khối lượng CP đang lưu hành	8.599.760
10	Giá cổ phiếu (8):(9)	36.908

Theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thì giá cổ phiếu là 36.900 đồng/cổ phiếu làm tròn thành **36.900 đồng/cổ phiếu**

b. Giá trị sổ sách của Công tại thời điểm 31/12/2010

Giá trị sổ sách của Công ty Cổ phần Phú Tài tại thời điểm 31/12/2010

= Vốn chủ sở hữu /Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

= 136.817.573.407/8.599.760 = 15.909 đồng/cổ phiếu

Giá trị sổ sách của Công ty dự kiến tại thời điểm 31/12/2010 là: **15.900 đồng/cổ phần**

c. Bình quân giá cổ phiếu của 2 phương pháp:

Lĩnh vực kinh doanh	Trọng số	Giá	Giá cổ phiếu bình quân
[1]	[2]	[3]	[2]x[3]
Phương pháp chiết khấu dòng tiền	50%	36.000	18.450

Lĩnh vực kinh doanh	Trọng số	Giá	Giá cổ phiếu bình quân
[1]	[2]	[3]	[2]x[3]
Giá trị sổ sách thời điểm 31/12/2010	50%	15.900	7.950
P/B bình quân	100%		26.400

Giá niêm yết của Công ty CP Phú Tài tại ngày giao dịch đầu tiên dự kiến là **26.000 đồng/cổ phần**

7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phú Tài không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Khi cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Trong trường hợp được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong đó quy định tổ chức cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết.

8. Các loại thuế có liên quan

8.1 Đối với Doanh nghiệp

Thuế Giá trị tăng (GTGT): Công ty có nghĩa vụ nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT như sau

- Kinh doanh sản phẩm đá: 10%
- Kinh doanh sản phẩm gỗ: 10%
- Kinh doanh và cung cấp dịch vụ xe Toyota: 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu TNDN với thuế suất 25%

Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 04 năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại

chi nhánh Đắk Nông, Khánh Hoà, do là cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn (Theo Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ).

Năm 2009 là đầu tiên chi nhánh Khánh Hòa và Đắk Nông được miễn thuế thu nhập theo Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ).

Thuế Tài nguyên: Công ty nộp thuế Tài nguyên với thuế suất là 3%

Thuế xuất nhập khẩu: Công ty đóng thuế xuất nhập khẩu căn cứ vào tờ khai Hải quan

Các loại thuế khác: Ngoài ra, các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

8.2 Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, thì:

- Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán).
- Mức thuế suất đối với từng loại như sau:
 - Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
 - Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1% và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

8.3 Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.

Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam, phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1 Tổ chức tư vấn niêm yết



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Trụ sở chính: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Tel: (04) 3726 2600 Fax: (04) 3726 2601
Chi nhánh: Lầu 2, Tòa nhà PetroVietnam, 1 - 5 Lê Duẩn, Q.1, TP.HCM
Tel: (08) 3910 6411 Fax: (08) 3910 6153
Web: www.thanglongsc.com.vn Email: tschanoi@hn.vnn.vn

2 Tổ chức kiểm toán



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84.4) 3824 1990 Fax: (84.4) 3825 3973
Web: www.aasc.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty.
3. **Phụ lục III:** Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, 2009, kiểm toán 6 tháng 2010, năm 2010.
4. **Phụ lục IV:** Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010.
5. **Phụ lục V:** Công văn giải trình số liệu báo cáo tài chính năm 2008 có xác nhận của kiểm toán.
6. **Phụ lục VI:** Công văn giải trình số liệu báo cáo tài chính năm 2010 có xác nhận của kiểm toán
7. **Phụ lục VII:** Công văn giải trình số liệu báo cáo tài chính
8. **Phụ lục VIII:** Hồ sơ khác



Bình Định, ngày.....tháng.....năm 2011

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI**

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT
CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG
CN TP.HỒ CHÍ MINH**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM
TỔNG GIÁM ĐỐC**

GIÁM ĐỐC

LÊ VỸ

THẨM THỊ THUÝ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

ĐẬU VĂN TÂM

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN QUỐC HOÀI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐOÀN MINH SƠN